

# **CHƯƠNG NHẬP MÔN**

## **ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

#### **1. ĐỐI TƯỢNG, MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU**

##### **1.1 Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của khoa học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là sự ra đời, phát triển và hoạt động lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ lịch sử.

- Trước hết là *các sự kiện lịch sử Đảng*, các sự kiện thể hiện quá trình Đảng ra đời, phát triển và lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến cứu quốc và xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,...

- Đảng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước bằng *Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách lớn*. Lịch sử Đảng phải nghiên cứu, làm sáng tỏ nội dung Cương lĩnh, đường lối của Đảng, cơ sở lý luận, thực tiễn và giá trị hiện thực của đường lối trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam.

##### **1.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm rõ *thắng lợi, thành tựu, kinh nghiệm, bài học của cách mạng Việt Nam* do Đảng lãnh đạo trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến giành độc lập, thống nhất, thành tựu của công cuộc đổi mới.

- *Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng để nâng cao hiểu biết về công tác xây dựng Đảng trong các thời kỳ lịch sử về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức.*

#### **2. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA MÔN HỌC**

##### **2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng**

- Chức năng nhận thức lịch sử
- Chức năng giáo dục chính trị tư tưởng
- Chức năng dự báo và phê phán

##### **2.2. Nhiệm vụ của môn học**

- Trình bày có hệ thống Cương lĩnh, đường lối của Đảng
- Tái hiện tiến trình lịch sử lãnh đạo, đấu tranh của Đảng
- Tổng kết lịch sử, đúc rút kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng

#### **3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG**

##### **3.1. Phương pháp luận**

- Phương pháp luận sử học Mác xít

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam

### **3.2. Các phương pháp cụ thể**

- Phương pháp lịch sử
- Phương pháp logic

Một số phương pháp liên ngành, bổ trợ khác

# CHƯƠNG 1

## ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)

### **1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2 - 1930)**

#### **1.1.1. Bối cảnh lịch sử**

##### *1.1.1.1. Hoàn cảnh quốc tế*

Từ nửa sau thế kỷ XIX, các nước tư bản Âu - Mỹ có sự chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống kinh tế - xã hội. Chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển mạnh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, đẩy mạnh quá trình xâm chiếm và nô dịch các nước nhỏ, yếu ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ - Latinh, biến các quốc gia này thành thuộc địa của các nước đế quốc. Trước bối cảnh đó, nhân dân các dân tộc bị áp bức đã đứng lên đấu tranh tự giải phóng khỏi ách thực dân, đế quốc, tạo thành phong trào giải phóng dân tộc mạnh mẽ, rộng khắp, nhất là ở châu Á. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á đầu thế kỷ XX phát triển rộng khắp, tác động mạnh mẽ đến phong trào yêu nước Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã làm biến đổi sâu sắc tình hình thế giới. Thắng lợi Cách mạng tháng Mười Nga không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản đối với các nước tư bản, mà còn có tác động sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

Tháng 3 - 1919, Quốc tế Cộng sản được thành lập, trở thành bộ tham mưu chiến đấu, tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới, không những vạch đường hướng chiến lược cho cách mạng vô sản mà còn quan tâm giải quyết vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Cách mạng Tháng Mười Nga 1917 thành công cùng sự ra đời và hoạt động của Quốc tế Cộng sản tác động mạnh mẽ đối với phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Việt Nam.

##### *1.1.1.2. Tình hình giai cấp và mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam*

###### *- Chính sách cai trị của thực dân Pháp*

Ngày 1 - 9 - 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công xâm lược Việt Nam. Sau khi tạm thời dập tắt được các phong trào đấu tranh của nhân dân ta, thực dân Pháp từng bước thiết lập bộ máy thống trị ở Việt Nam. Chính sách thuộc địa của Pháp ở Việt Nam là chính sách chuyên chế về chính trị, kìm hãm và nô dịch về văn hóa, bóc lột nặng nề về kinh tế.

###### *- Tình hình giai cấp và mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam.*

Dưới tác động của chính sách cai trị của thực dân Pháp, xã hội và giai cấp ở Việt Nam chuyển biến sâu sắc:

+ Về mặt xã hội: Xã hội Việt Nam từ chế độ phong kiến trở thành chế độ thuộc địa nửa phong kiến với 2 mâu thuẫn, đó là:

- Mâu thuẫn cơ bản giữa nhân dân, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến
- Mâu thuẫn vừa cơ bản vừa chủ yếu và ngày càng gay gắt trong đời sống dân tộc là mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược.

+ Về mặt giai cấp: Giai cấp địa chủ phong kiến, nông dân biến đổi sâu sắc, đồng thời xuất hiện những giai cấp mới: tiểu tư sản, tư sản và vô sản.

#### *1.1.1.3. Các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng*

+ Phong trào Cần Vương (1885-1896) do các sĩ phu phong kiến lãnh đạo: như Tổng Duy Tân, Phan Đình Phùng, Tôn Thất Thuyết...

+ Phong trào Đông Du (1906 - 1908) do Phan Bội Châu lãnh đạo.

+ Phong trào Đông Kinh Nghĩa thực (1907) do các sĩ phu Lương Văn Can, Nguyễn Quyền lãnh đạo.

+ Phong trào Duy Tân (1905-1908) do các sĩ phu Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp ... lãnh đạo.

+ Việt Nam Quang phục hội (1912) do cụ Phan Bội Châu thành lập dưới tác động của cuộc cách mạng Tân Hợi - Trung Quốc.

+ Bên cạnh những phong trào trên, là sự ra đời của hàng loạt các phong trào đại diện cho giai cấp tiểu tư sản, giai cấp tư sản và điền chủ ở Việt Nam nhưng cuối cùng đều đi đến thất bại.

Sự thất bại của các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX đã chứng tỏ con đường cứu nước theo hệ tư tưởng phong kiến và hệ tư tưởng tư sản đã bế tắc. Cách mạng Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc về đường lối, về giai cấp lãnh đạo. Nhiệm vụ lịch sử đặt ra là phải tìm một con đường cách mạng mới, với một giai cấp có đủ tư cách đại biểu cho quyền lợi của dân tộc, của nhân dân có đủ uy tín và năng lực để lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc dân chủ đi đến thành công.

#### **1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng**

##### *1.1.2.1. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự phát triển của PTYN theo khuynh hướng vô sản*

- Năm 1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Trong quá trình tìm đường cứu nước, Người đã tìm hiểu kỹ các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới như Cách mạng

Mỹ (1776), Cách mạng Pháp (1789), Người khâm phục tinh thần đấu tranh của 2 cuộc cách mạng nhưng nhận thức rõ những hạn chế của các cuộc cách mạng tư sản. Từ đó, Nguyễn Ái Quốc khẳng định con đường cách mạng tư sản không thể đưa lại độc lập và hạnh phúc cho nhân dân các nước nói chung, nhân dân Việt Nam nói riêng.

- Nguyễn Ái Quốc đặc biệt quan tâm tìm hiểu Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Người rút ra kết luận: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật”.

- Tháng 7 - 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin đăng trên báo Nhân đạo. Người tìm thấy trong Luận cương của Lênin lời giải đáp về con đường giải phóng cho nhân dân Việt Nam: về vấn đề thuộc địa trong mối quan hệ với phong trào cách mạng thế giới... Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác –Lênin.

- Tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp (12/1920) Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người - từ người yêu nước trở thành người cộng sản và tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn “*Muốn cứu nước phải giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*”.

#### 1.1.2.2. Quá trình Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện thành lập Đảng

**Về tư tưởng:** Từ giữa năm 1921, tại Pháp, cùng một số nhà cách mạng của các nước thuộc địa khác, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội liên hiệp thuộc địa, sau đó sang lập tờ báo Le Paria (Người cùng khổ). Người viết nhiều bài báo trên báo Nhân đạo, Đời sống CN, TC Cộng sản....

Năm 1922, Ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp thành lập, Nguyễn Ái Quốc được cử làm Trưởng Tiểu ban Nghiên cứu về Đông Dương.

Năm 1927, Nguyễn Ái Quốc khẳng định “Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy”

**Về chính trị:** Nguyễn Ái Quốc đưa ra những luận điểm quan trọng về cách mạng giải phóng dân tộc. Người khẳng định rằng, con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bức là giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản.

Nguyễn Ái Quốc xác định cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới; giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở “chính quốc” có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Đối với các dân tộc thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ: “ công nông là gốc của cách mệnh; còn học trò nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ...là bầu bạn cách mệnh của công nông”

Về vấn đề Đảng Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “ Cách mạng trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy.

Phong trào “ vô sản hóa” do Kỳ bộ Bắc Kỳ Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên phát động từ ngày 29 - 9 -1928 đã góp phần truyền bá tư tưởng vô sản, rèn luyện cán bộ và xây dựng phát triển tổ chức của công nhân.

**Về tổ chức:** tháng 11 - 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc). Sau khi tiếp xúc với *Tâm tâm xã* - một tổ chức yêu nước của thanh niên Việt Nam và nhận thấy họ không hiểu gì về lý luận, lại càng không biết việc tổ chức, Nguyễn Ái Quốc lựa chọn một số người tích cực và giác ngộ họ, lập ra *Cộng sản đoàn* (tháng 2 - 1925) gồm Lê Hồng Phong, Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Lưu Quốc Long, Trương Văn Lĩnh, Lê Quảng Đạt và Lâm Đức Thụ.

Tháng 6 - 1925 Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên* với cơ quan tuyên truyền là tuần báo *Thanh niên*. Hội công bố Tuyên ngôn, nêu rõ mục đích tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết, tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và tay sai để tự cứu lấy mình

Để đào tạo một đội ngũ cán bộ cách mạng, sau khi đến Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc mở nhiều lớp huấn luyện chính trị tại Quảng Châu. Phần lớn học viên là thanh niên, học sinh, trí thức Việt Nam yêu nước. Họ học làm cách mạng, học cách hoạt động bí mật. Một số được chọn đi học ở trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, một số khác được cử đi học trường quân sự Hoàng Phố, còn phần lớn “bí mật về nước để ”truyền bá lý luận giải phóng dân tộc và tổ chức nhân dân”. Từ năm 1925 - 1927, Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đã mở các lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ cách mạng Việt Nam. Hội đã xây dựng được nhiều cơ sở ở các trung tâm kinh tế, chính trị trong nước. Năm 1928, Hội thực hiện chủ trương “vô sản hóa”, đưa hội viên vào nhà máy, hầm mỏ, đồn điền để rèn luyện lập trường, quan điểm giai cấp công nhân; để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và lý luận giải phóng dân tộc nhằm thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam.

- Cùng với việc đào tạo cán bộ, Nguyễn Ái Quốc đã tổ chức ra các tờ báo Thanh niên, Công nông, Lĩnh cách mệnh, Tiền phong nhằm truyền bá Chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Quan điểm cách mạng của Nguyễn Ái Quốc đã thức tỉnh và giác ngộ quần chúng, thúc đẩy phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân phát triển theo con đường cách mạng vô sản.

- Năm 1927, Bộ Tuyên truyền của Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức xuất bản tác phẩm Đường cách mệnh. Tác phẩm đó đã đề cập những vấn đề cơ bản của một cương lĩnh chính trị, chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Đường cách mệnh có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn đối với cách mạng Việt Nam.

### ***1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng***

#### ***1.1.3.1. Sự ra đời các tổ chức cộng sản***

Trước sự phát triển của phong trào công nhân và phong trào yêu nước, cuối tháng 3 - 1929, tại 5D Hàm Long - Hà Nội, một số hội viên tiên tiến của tổ chức Thanh niên ở Bắc Kỳ đã lập ra Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam gồm 7 đồng chí do đồng chí Trần Văn Cung làm Bí thư Chi bộ.

Tại Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (5/1929) đã xảy ra bất đồng giữa các đoàn đại biểu về vấn đề thành lập Đảng Cộng sản, mà thực chất là sự khác nhau giữa những đại biểu muốn thành lập ngay một Đảng Cộng sản và giải thể tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, với những đại biểu cũng muốn thành lập Đảng Cộng sản, nhưng “không muốn tổ chức đảng ở giữa Đại hội thanh niên và cũng không muốn phá thanh niên trước khi lập được đảng”. Trong bối cảnh đó, các tổ chức cộng sản ở Việt Nam ra đời đó là: *Đông Dương Cộng sản Đảng*(6/1929), *An Nam Cộng sản Đảng*(mùa thu năm 1929), *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn*(9/1929).

Mặc dù gương cao ngạo cờ chống đế quốc, phong kiến, xây dựng chủ nghĩa cộng sản Việt Nam, nhưng ba tổ chức cộng sản trên đây hoạt động phân tán, chia rẽ đã ảnh hưởng xấu đến phong trào cách mạng ở Việt Nam lúc này. Vì vậy, việc khắc phục sự chia rẽ, phân tán giữa các tổ chức cộng sản là yêu cầu khẩn thiết của cách mạng nước ta, là nhiệm vụ cấp bách trước mắt của tất cả những người cộng sản Việt Nam.

#### ***1.1.3.2. Hội nghị thành lập Đảng***

- Trước sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm về Trung Quốc triệu tập Hội nghị hợp nhất tại Hương Cảng.

- Hội nghị diễn ra từ ngày 6/1/1930 đến ngày 7/2/1930. Tham dự HN có 2 tổ chức cộng sản: *Đông Dương Cộng sản Đảng* và *An Nam Cộng sản Đảng*.

- Nội dung Hội Nghị:

+ Hai tổ chức trên đồng ý tán thành việc hợp nhất để thành lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam

+ Thông qua các văn kiện: Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

+ Hội nghị định ra kế hoạch thống nhất trong nước và giao quyền cho các đại biểu về nước thực hiện.

Ngày 24 - 2 - 1930, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời thể hiện bước phát triển biện chứng quá trình vận động cách mạng Việt Nam - sự phát triển về chất từ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đến ba tổ chức cộng sản, đến Đảng Cộng sản Việt Nam trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và quan điểm cách mạng Nguyễn Ái Quốc.

#### *1.1.3.3. Nội dung cơ bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng*

- **Phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam** là: “Tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.

- **Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng:**

+ Về chính trị: đánh đổ đế quốc và phong kiến làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập...

+ Về kinh tế: Thu tiêu các quốc trái; tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn của bọn đế quốc; tịch thu toàn bộ ruộng đất của bọn đế quốc làm của công và chia cho dân cày nghèo...

+ Về văn hóa - xã hội: dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo hướng công nông hóa

- **Về lực lượng cách mạng:** Đảng chủ trương thu phục công nhân, nông dân và toàn thể các giai cấp, tầng lớp yêu nước.

- **Về lãnh đạo cách mạng:** giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo Việt Nam. Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng, trong khi liên lạc với các giai cấp phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng bộ một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào con đường thỏa hiệp.

- **Về quan hệ của cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới:** cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, phải thực hành liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp.

#### **1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập ĐCSVN**

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam suốt 2/3 thế kỷ.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng.



- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát: “Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và PTYN đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930”.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và việc Đảng chủ trương cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào cách mạng thế giới, đã tranh thủ được sự ủng hộ to lớn của cách mạng thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại làm nên những thắng lợi vẻ vang. Đồng thời cách mạng Việt Nam cũng góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập, dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

## **1.2. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)**

### ***1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932 – 1935***

#### ***1.2.1.1. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 và Luận cương chính trị ( 10-1930)***

##### ***a. Phong trào cách mạng 1930 - 1931***

Những năm 1929 - 1933, khi Liên Xô đang đạt được những kết quả lớn trong công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế với tốc độ nhanh, thì trong các nước tư bản chủ nghĩa diễn ra một cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng, trên quy mô lớn, hậu quả nặng nề. Những mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản phát triển gay gắt. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và quần chúng lao động dâng cao.

Cuộc khủng hoảng lan nhanh đến các nước thuộc địa và phụ thuộc, trong đó có Việt Nam, làm cho mọi hoạt động sản xuất đình đốn. Giữa lúc ấy, thực dân Pháp lại tăng cường bóc lột, bóc lột để bù đắp những hậu quả của cuộc khủng hoảng ở chính quốc, làm cho nền kinh tế Việt Nam sa sút nghiêm trọng. Mặt khác, thực dân Pháp tiến hành một chiến dịch khủng bố khốc liệt nhằm đàn áp cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930), gây nên bầu không khí chính trị căng thẳng.

Tình hình kinh tế và chính trị trên đây làm cho mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và tay sai càng phát triển gay gắt

Giữa lúc đó Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với hệ thống tổ chức thống nhất và cương lĩnh chính trị đúng đắn, đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân chống đế quốc và tay sai.

##### ***b. Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam, tháng 10 - 1930***

- Tháng 4 - 1930, Trần Phú về nước hoạt động, được bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời, cùng Ban Thường vụ chuẩn bị cho Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương.

- Từ ngày 14 đến 31 - 10 - 1930, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng, Trung Quốc do Trần Phú chủ trì. Hội nghị thống nhất:

- + Đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương.
- + Thông qua Luận cương chính trị của Đảng do đồng chí Trần Phú soạn thảo.
- + Cử đồng chí Trần Phú làm Tổng Bí thư.

*Nội dung Luận cương chính trị:*

- **Xác định mâu thuẫn ngày càng diễn ra gay gắt ở Việt Nam, Lào và Cao Miên** là “một bên thợ thuyền, dân cày và phân tử lao khổ, một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa”

- **Phương hướng chiến lược của cách mạng Đông Dương:** lúc đầu là cuộc “*cách mạng tư sản dân quyền*”, có “*tính chất thổ địa và phản đế*”. Sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi sẽ tiếp tục phát triển bỏ qua thời kỳ tư bản mà đấu tranh thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa.

- **Nhiệm vụ cách mạng:** Xoá bỏ tàn tích phong kiến và đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ đó có quan hệ khăng khít với nhau. Trong đó “*vấn đề thổ địa cách mạng là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền*”.

- **Lực lượng cách mạng:** Vô sản và nông dân là lực lượng chính, trong đó vô sản lãnh đạo cách mạng. Còn các giai tầng khác như: tư sản thương nghiệp thì đứng về phe đế quốc và địa chủ chống lại cách mạng, tư sản công nghiệp thì đứng về phía quốc gia cải lương và khi cách mạng phát triển cao thì họ sẽ theo đế quốc. Trong giai cấp tiểu tư sản, bộ phận thủ công nghiệp thì có thái độ do dự, tiểu tư sản thương gia thì không tán thành cách mạng, tiểu tư sản trí thức thì có xu hướng quốc gia chủ nghĩa và chỉ có thể hăng hái tham gia chống đế quốc trong thời kỳ đầu. Chỉ có các phân tử lao khổ ở đô thị như những người bán hàng rong, thợ thủ công nhỏ, trí thức thất nghiệp mới đi theo cách mạng mà thôi.

- **Vai trò của Đảng:** “*điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản*”. Đảng phải có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng và được vũ trang bởi chủ nghĩa Mác-Lênin.

- **Phương pháp cách mạng:** Võ trang bạo động, theo khuôn phép nhà binh.

- **Quan hệ quốc tế:** Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới vì thế giai cấp vô sản Đông Dương phải gắn bó với giai cấp vô sản thế giới, trước hết là vô sản Pháp.

*Tóm lại:* Luận cương đã vạch ra được nhiều vấn đề căn bản của cách mạng Việt Nam mà Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt đã nêu ra, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số *hạn chế*:

- Luận cương không nêu ra được mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và đế quốc Pháp.
- Không đặt nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc lên hàng đầu.
- Chưa đánh giá đúng vai trò cách mạng của giai cấp tiểu tư sản, tư sản dân tộc mà cường điệu hoá những hạn chế của họ. Từ đó, Luận cương đã không đề ra được một chiến lược liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược và tay sai.

Từ nhận thức hạn chế trên, BCHTU đã phê phán gay gắt quan điểm đúng đắn trong Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt do Hội nghị hợp nhất thông qua. Đó là một quyết định không đúng. Sau này, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, nhất là HNTU 8 của Đảng (5/1941), Đảng đã khắc phục được những hạn chế đó và đưa cách mạng đến thành công.

*Nguyên nhân của hạn chế:*

- Do những người lãnh đạo nhận thức máy móc, giáo điều về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp trong xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam.
- Không nắm được đầy đủ đặc điểm tình hình xã hội và giai cấp ở Việt Nam.
- Chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi khuynh hướng “tả” trong Quốc tế Cộng sản.

*Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng, Đại hội Đảng lần thứ nhất (3 - 1935).*

Vừa mới ra đời, Đảng trở thành đội tiên phong lãnh đạo cách mạng, phát động được một phong trào cách mạng rộng lớn, mà đỉnh cao là XôViết Nghệ Tĩnh. Đế quốc Pháp và tay sai thẳng tay đàn áp, khủng bố. Lực lượng của ta đã bị tổn thất lớn: nhiều cơ sở Đảng tan vỡ, nhiều cán bộ cách mạng, đảng viên ưu tú bị địch bắt, giết, tù đầy. Phong trào đấu tranh lắng xuống.

Bị địch khủng bố nhưng một số nơi tổ chức cơ sở Đảng vẫn được duy trì: Hà Nội, Sơn Tây, Hải Phòng, Nghệ Tĩnh.... Các đảng viên chưa bị bắt nỗ lực lần tìm lại cơ sở để lập lại tổ chức.

Công việc khôi phục Đảng phải kể đến vai trò to lớn của Quốc tế Cộng sản: Lựa chọn những thanh niên tốt nghiệp tại Đại học Phương Đông, cử về Hồng Kông (Trung Quốc) thành lập Ban chỉ huy hải ngoại - hoạt động với tư cách là Ban Chấp hành Lâm thời (thay cho Ban Chấp hành cũ đã tan vỡ): Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên....Ban lãnh đạo hải

ngoại do Lê Hồng Phong đứng đầu đã công bố ***Chương trình hoạt động của Đảng Cộng sản Đông Dương*** (tháng 6 - 1932). Cuộc đấu tranh đòi ân xá chính trị phạm đã dẫn tới năm 1934 toàn quyền Đông Dương đã ký lệnh ân xá tù chính trị ở Đông Dương. Đây là lần đầu tiên Pháp ký lệnh ân xá tù chính trị.

Như vậy, nhờ sự cố gắng phi thường của Đảng, được sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản, đến cuối 1934 đầu 1935 hệ thống tổ chức của Đảng đã được khôi phục và phong trào quần chúng dần được nhen nhóm lại.

Khi hệ thống tổ chức của Đảng được khôi phục từ cơ sở tới Trung ương, Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng quyết định triệu tập Đại hội Đảng. Tháng 3 - 1935, Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp tại Ma Cao (Trung Quốc). Đại hội đề ra các nhiệm vụ trước mắt: Củng cố và phát triển Đảng cả về lượng và chất; Đẩy mạnh cuộc vận động và thu phục quần chúng; Tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh, ủng hộ Liên Xô và cách mạng Trung Quốc...

Hồ Chí Minh nói: *“Chính sách Đại hội Ma Cao vạch ra không sát với phong trào cách mạng thế giới và trong nước bấy giờ”*.

### **1.2.2. Phong trào dân chủ 1936 - 1939**

#### **1.2.2.1. Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng**

##### **a. Điều kiện lịch sử**

- Hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 đã làm cho mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản thêm gay gắt và phong trào cách mạng của quần chúng dâng cao.

- Một số nước đi vào con đường phát xít hoá: dùng bạo lực để đàn áp phong trào đấu tranh trong nước và ráo riết chạy đua vũ trang phát động chiến tranh thế giới mới. Chủ nghĩa phát xít thắng thế ở Đức, Ý, Nhật, chúng liên kết với nhau lập ra phe “Trục”, tuyên bố chống Quốc tế Cộng sản và phát động chiến tranh chia lại thế giới. Nguy cơ phát xít và chiến tranh thế giới đe dọa nghiêm trọng nền hoà bình và an ninh quốc tế.

- Đại hội VII Quốc tế Cộng sản họp tại Matxcova (7 - 1935) xác định:

+ Kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới chưa phải là chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là *chủ nghĩa phát xít*.

+ Nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới chưa phải là đấu tranh lật đổ chủ nghĩa tư bản, giành chính quyền mà là chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, hoà bình và cải thiện đời sống.

+ Đối với các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, vấn đề lập Mặt trận thống nhất chống đế quốc có tầm quan trọng đặc biệt.

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới có nhiều biến động ảnh hưởng sâu sắc tới đời sống của mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Trong khi đó, bọn cầm quyền phản động ở Đông Dương ra sức vơ vét, bóc lột và khủng bố phong trào đấu tranh của nhân dân làm cho bầu không khí chính trị trở nên ngột ngạt, yêu cầu có những cải cách dân chủ.

*b. Chủ trương và nhận thức mới của Đảng*

- Tháng 7 - 1936, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ hai tại Thượng Hải. Xuất phát từ tình hình thực tế Hội nghị đã xác định:

+ Mục tiêu chiến lược: không thay đổi so với Hội nghị lần thứ nhất- *“cách mạng tư sản dân quyền - phản đế và điền địa - lập chính quyền công nông bằng hình thức Xô viết”*, *“để dự bị điều kiện đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa”*.

+ Kẻ thù trước mắt và nguy hại nhất là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng.

+ Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng: chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, *đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình*. Để thực hiện được nhiệm vụ này, BCH TU quyết định lập Mặt trận nhân dân phản đế gồm các giai cấp, đảng phái các đoàn thể chính trị và các tôn giáo khác nhau, các dân tộc xứ Đông Dương để cùng đấu tranh đòi những quyền dân chủ đơn sơ.

+ Về đoàn kết quốc tế: Đoàn kết với giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản Pháp, ủng hộ Mặt trận Nhân dân Pháp, ủng hộ Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp để cùng chống kẻ thù chung là phát xít và phản động thuộc địa ở Đông Dương.

+ Về hình thức tổ chức và biện pháp đấu tranh: Hội nghị chủ trương chuyển hình thức tổ chức bí mật không hợp pháp sang hình thức tổ chức và đấu tranh công khai, nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp..

- Tháng 10 - 1936, Trung ương Đảng được tổ chức lại do đồng chí Hà Huy Tập làm Tổng Bí thư, trong văn kiện ***Chung quanh vấn đề chiến sách mới*** Ban Chấp hành Trung ương cũng đặt ra vấn đề nhận thức lại mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, phản đế và điền địa trong cách mạng Đông Dương: cách mạng giải phóng dân tộc không nhất thiết phải gắn kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. ***“Nếu phát triển cuộc đấu tranh chia đất mà ngăn trở cuộc đấu tranh phản đế thì phải chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước”***. Đó là nhận thức mới phù hợp với tinh thần Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng, bước đầu khắc phục hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10-1930.

Hội nghị lần thứ ba (3 - 1937), lần thứ tư (9 - 1937), Hội nghị lần thứ năm (3 - 1938) đã đi sâu về công tác tổ chức của Đảng, quyết định chuyển mạnh hơn nữa về phương pháp tổ

chức và hoạt động để tập hợp được đông đảo quần chúng trong mặt trận chống phản động thuộc địa, chống phát xít, đòi tự do, cơm áo, hòa bình.

- Tại Hội nghị tháng 7 - 1939 Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ cho xuất bản tác phẩm ***Tự chỉ trích***, nhằm rút kinh nghiệm về những sai lầm, thiếu sót của Đảng viên, hoạt động công khai trong cuộc vận động tranh cử ở Hội đồng quản hạt Nam kỳ (4-1939). Tác phẩm đã phân tích những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng, tổng kết kinh nghiệm cuộc vận động dân chủ của Đảng, nhất là về đường lối xây dựng Mặt trận dân chủ Đông Dương.

Tóm lại, trong những năm 1936 -1939, bám sát tình hình thực tiễn, Đảng đã phát động được một cao trào cách mạng rộng lớn trên tất cả các mặt trận: chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng với các hình thức đấu tranh phong phú và linh hoạt. Qua cuộc vận động dân chủ rộng lớn, uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và nâng cao trong quần chúng, chủ nghĩa Mác-Lênin và đường lối của Đảng được tuyên truyền rộng rãi trong khắp mọi tầng lớp nhân dân, tổ chức Đảng được củng cố và mở rộng.

### **1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945**

#### ***1.2.3.1. Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng***

##### *a. Bối cảnh lịch sử*

Tháng 9-1939, chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ, trong đó Pháp là nước tham chiến. Chính phủ Pháp thi hành một loạt các biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng thuộc địa.

Tháng 6-1940, Đức tấn công Pháp và Chính phủ Pháp đã đầu hàng. Ngày 22- 6-1941, quân phát xít Đức tấn công Liên Xô. Từ khi phát xít Đức tấn công Liên Xô, tính chất chiến tranh để quốc chuyển thành cuộc chiến tranh giữa các lực lượng dân chủ do Liên Xô làm trụ cột với các lực lượng phát xít do Đức cầm đầu.

Ở Đông Dương, thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến rất phản động: tăng tay đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân ta, tập trung lực lượng đánh vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Thực hiện chính sách “kinh tế chỉ huy” tăng cường vơ vét sức người, sức của phục vụ chiến tranh, bắt lính sang Pháp làm bia đỡ đạn.

Lợi dụng sự thất thủ của Pháp ở Đông Dương, tháng 9-1940 Nhật Bản cho quân xâm lược Đông Dương, Pháp nhanh chóng đầu hàng và dâng Đông Dương cho Nhật. Chịu cảnh “một cổ hai tròng” đời sống của nhân dân Việt Nam lâm vào cảnh ngột ngạt về chính trị, bần cùng về kinh tế. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với Pháp, Nhật và tay sai phản động ngày càng trở nên gay gắt hơn bao giờ hết.

##### *b. Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược*

Các Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11-1939); Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (11-1940); Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5-1941) đã quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược như sau:

*Một là, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu*

Tạm gác khẩu hiệu “*đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày*” thay bằng khẩu hiệu “*tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo*” chia lại ruộng đất cho công bằng, giảm tô, giảm tức.

*Hai là, giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương*

Ở Việt Nam, Trung ương Đảng quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) thu hút mọi người dân yêu nước không phân biệt thành phần, lứa tuổi, đoàn kết bên nhau đặng cứu Tổ quốc, cứu giống nòi.

*Ba là, quyết định phải xúc tiến ngay công tác khởi nghĩa vũ trang, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại. Để khởi nghĩa vũ trang đi đến thắng lợi cần phải phát triển lực lượng cách mạng, tiến hành xây dựng căn cứ địa cách mạng.*

Hội nghị cũng chú trọng công tác đào tạo cán bộ, nâng cao năng lực tổ chức và lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công tác vận động quần chúng.

*Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược*

Với tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo BCH Trung ương Đảng đã giải quyết mục tiêu số một của cách mạng là độc lập dân tộc và đề ra nhiều chủ trương đúng đắn để thực hiện mục tiêu ấy.

Đường lối đúng đắn gương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc đã dẫn đường cho nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp đánh Pháp đuổi Nhật, giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân. Chủ trương đúng đắn của Hội nghị thực sự là kim chỉ nam đối với hoạt động của Đảng cho tới thắng lợi cuối cùng năm 1945

#### *1.2.3.2. Cao trào kháng Nhật cứu nước*

Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới II đã đi vào giai đoạn kết thúc. Quân đồng minh chuẩn bị tiến vào Đông Nam Á. Phát xít Nhật lâm vào tình trạng nguy khốn. Ngày 9 - 3 - 1945, Nhật nổ súng lật đổ Pháp trên toàn cõi Đông Dương, Pháp chống cự rất yếu ớt và nhanh chóng đầu hàng.

Ngày 12 - 3 - 1945, Ban Thường vụ Trung ương ra Chỉ thị *Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*. Với những nội dung cơ bản là:

- *Nhận định tình hình*: Cuộc đảo chính của Nhật lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương đã tạo ra một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, nhưng điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự

chín mươi. Tuy vậy, hiện đang có những cơ hội tốt làm cho những điều kiện Tổng khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi.

- *Xác định kẻ thù*: Sau cuộc đảo chính, phát xít Nhật là kẻ thù chính, kẻ thù cụ thể trước mắt duy nhất của nhân dân Đông Dương, vì vậy phải thay khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật – Pháp” bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật”.

- *Chủ trương*: Phát động một cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa. Mọi hình thức tuyên truyền, cổ động, tổ chức và đấu tranh lúc này phải thay đổi cho thích hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa như tuyên truyền xung phong, biểu tình tuần hành...

- *Phương châm đấu tranh* lúc này là phát động chiến tranh du kích, giải phóng từng vùng, mở rộng căn cứ địa.

- *Dự kiến* những thời cơ thuận lợi để thực hiện Tổng khởi nghĩa như khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật, quân Nhật kéo ra mặt trận ngăn cản quân Đồng minh để phía sau sơ hở. Cũng có thể là cách mạng Nhật bùng nổ và chính quyền cách mạng của nhân dân Nhật được thành lập, hoặc Nhật bị mất nước như Pháp năm 1940 và quân đội viễn chinh Nhật mất tinh thần.

#### *1.2.3.3. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền*

Chiến tranh thế giới II kết thúc, thắng lợi thuộc về phe Đồng minh, phát xít Đức đầu hàng Đồng minh không điều kiện (9-5-1945), phát xít Nhật đi gần đến chỗ thất bại hoàn toàn, chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang cực độ. Tình thế cách mạng trực tiếp xuất hiện. Quân đội các nước đế quốc với danh nghĩa đồng minh chuẩn bị vào Đông Dương tước vũ khí quân Nhật. Vấn đề giành chính quyền được đặt ra như một cuộc chạy đua nước rút với quân Đồng minh.

- Ngày 13 - 8 - 1945 Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Tân Trào quyết định tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước từ tay phát xít Nhật, trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Hội nghị cũng quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành chính quyền.

- Ngày 16 - 8 - 1945, Đại hội Quốc dân họp tại Tân Trào, tán thành quyết định tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản Đông Dương, lập Ủy ban dân tộc giải phóng do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Ngay sau Đại hội Quốc dân, Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước: “giờ quyết định vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng lên đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”.



Dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ ngày 14 đến 28 - 8 cuộc Tổng khởi nghĩa đã thành công trên cả nước, chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 30 - 8: vua Bảo Đại thoái vị và giao nộp ấn, kiếm, áo bào cho đại diện Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Ngày 2 - 9: Tại quảng trường Ba Đình, Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Lâm thời đọc Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố với quốc dân đồng bào: Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời.

#### ***1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945***

##### ***1.2.4.1. Tính chất***

- Tập trung hoàn thành nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng giải phóng dân tộc
- Lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân tộc
- Thành lập chính quyền Nhà nước “của chung toàn dân tộc”

##### ***1.2.4.2. Ý nghĩa***

- Thắng lợi của cách mạng tháng Tám đã đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc trong hơn 80 năm, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế suốt 1000 năm và ách thống trị của phát xít Nhật.

- Ra đời nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người tự do, người làm chủ vận mệnh của mình.

- Đảng Cộng sản Đông Dương từ chỗ phải hoạt động bí mật không hợp pháp trở thành một đảng cầm quyền và hoạt động công khai.

- Nâng cao lòng tự hào dân tộc, để lại những bài học kinh nghiệm quý cho phong trào đấu tranh giành độc lập và chủ quyền.

- Cách mạng tháng Tám thắng lợi đã chọc thủng một khâu quan trọng trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu thời kỳ sụp đổ và tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ.

- Chứng minh cho tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin và những sáng tạo của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “*Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc.*”

##### ***1.2.4.3. Bài học kinh nghiệm***

*Thứ nhất*, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

*Thứ hai*, toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công-nông.

*Thứ ba*, nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng của quần chúng

*Thứ tư*, xây dựng một Đảng cách mạng tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc Việt Nam, tuyệt đối trung thành với lợi ích giai cấp và toàn dân tộc Việt Nam.

## **Chương 2**

### **ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)**

#### **2.1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945-1954**

##### **2.1.1 Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946**

###### **2.1.1.1 Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám**

Sau ngày tuyên bố độc lập, lịch sử nước Việt Nam bước sang một chặng đường mới với nhiều thuận lợi căn bản và khó khăn chồng chất.

Sau cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ II, cục diện khu vực và thế giới có những sự thay đổi lớn có lợi cho cách mạng Việt Nam. Liên –xô trở thành thành trì của chủ nghĩa xã hội. Nhiều nước ở Đông Trung Âu, được sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô đã lựa chọn con đường phát triển theo chủ nghĩa xã hội. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh dâng cao. Đặc biệt, việc hình thành hệ thống chính quyền cách mạng với bộ máy thống nhất từ cấp Trung ương đến cơ sở, ra sức phục vụ lợi ích của Tổ quốc, nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành biểu tượng của nền độc lập, tự do, là trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam. Quân đội quốc gia và lực lượng công an; luật pháp của chính quyền cách mạng được khẩn trương xây dựng và phát huy vai trò đối với cuộc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài, xây dựng chế độ mới.

Trên thế giới phe đế quốc chủ nghĩa nuôi dưỡng âm mưu mới “chia lại hệ thống thuộc địa thế giới”, ra sức tấn công, đàn áp phong trào cách mạng thế giới, trong đó có cách mạng Việt Nam.

*Khó khăn* ở trong nước là hệ thống chính quyền cách mạng mới được thiết lập, còn rất non trẻ, thiếu thôn, yếu kém về nhiều mặt; hậu quả của chế độ cũ để lại hết sức nặng nề, sự tàn phá của nạn lũ lụt, nạn đói năm 1945 rất nghiêm trọng. Thách thức lớn nhất, nghiêm trọng nhất lúc này là âm mưu, hành động quay trở lại thống trị Việt Nam một lần nữa của Pháp. Ngày 2-9-1945, quân Pháp đã trắng trợn gây hấn, bắn phá vào cuộc mít-tinh mừng ngày độc lập của nhân dân ta ở Sài Gòn- Chợ Lớn

#### *2.1.1.2 Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng*

Ngày 3-9-1945, Chính phủ lâm thời họp phiên đầu tiên dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định ngay nhiệm vụ lớn trước mắt là: diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm. Ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc, nhận định tình hình và định hướng con đường đi lên của cách mạng Việt Nam sau khi giành được chính quyền.

Những quan điểm và chủ trương và biện pháp lớn được Đảng nêu ra trong bản Chỉ thị kháng chiến, kiến quốc đã giải đáp trúng, đáp ứng đúng yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ; có tác dụng định hướng tư tưởng, trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ; xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng trong giai đoạn đầy khó khăn, phức tạp này.

*Chống giặc đói, đẩy lùi nạn đói* là một nhiệm vụ lớn, quan trọng, cấp bách lúc bấy giờ.

*Chống giặc dốt, xóa nạn mù chữ* được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng thể hiện tính ưu việt của chế độ mới, góp phần tích cực xây dựng hệ thống chính quyền cách mạng, phát huy quyền dân chủ của nhân dân.

*Khẩn trương xây dựng củng cố chính quyền cách mạng*: Để khẳng định địa vị pháp lý của Nhà nước Việt Nam, Đảng và Hồ Chí Minh đã chủ trương sớm tổ chức một cuộc bầu cử toàn quốc theo hình thức phổ thông bầu phiếu để bầu ra Quốc hội và thành lập Chính phủ chính thức.

Mặt trận dân tộc thống nhất tiếp tục được mở rộng nhằm tăng cường thực lực cách mạng, tập trung chống Pháp ở Nam Bộ.

*Tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ, đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ*

Sau vụ khiêu khích trắng trợn ngày 2/9/1945 ở Sài Gòn, thực dân Pháp ráo riết thực hiện mưu đồ xâm lược Việt Nam. Đêm 22 rạng ngày 23/9/1945, quân đội Pháp đã nổ súng gây hấn đánh chiếm Sài Gòn - Chợ Lớn (Nam Bộ). Cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân Nam Bộ bắt đầu. Sáng 23/9/1945 Hội nghị liên tịch giữa Xứ ủy, Ủy ban nhân dân,

Ủy ban kháng chiến và đại diện Tổng bộ Việt Minh đã nhanh chóng thống nhất Minh để ra chủ trương hiệu triệu quân, dân Nam Bộ đứng lên kháng chiến chống xâm lược Pháp. Ngày 25/10/1945, Hội nghị cán bộ Đảng bộ Nam Bộ đã họp tại Thiên Hộ, Cái Bè (Mỹ Tho) quyết định những biện pháp cấp bách củng cố lực lượng vũ trang, xây dựng cơ sở chính trị và vũ trang bí mật trong nội đô; tổ chức và phát động toàn dân kháng chiến, kiên quyết đẩy lùi cuộc tấn quân của quân Pháp, ngăn chặn bước tiến của chúng...

Trong những ngày đầu, so sánh lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch, nhưng với lòng yêu nước sâu sắc, quyết tâm sắt đá bảo vệ nền độc lập, tự do, của Tổ quốc, có sự lãnh đạo kịp thời, đúng đắn của Xứ ủy Nam Bộ, của Chính phủ Trung ương, quân và dân Nam Bộ, các tỉnh Nam Trung Bộ, Tây Nguyên đã tổ chức lại lực lượng, củng cố các khu căn cứ và lực lượng vũ trang, động viên nhân tài, vật lực của toàn dân đứng lên ngăn chặn bước tiến của thực dân Pháp; tích cực chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài sau này

Để làm thất bại âm mưu “diệt Cộng, cầm Hồ, phá Việt Minh” của quân Tưởng và tay sai, Đảng, Chính phủ Hồ Chí Minh chủ trương thực hiện sách lược “triệt để lợi dụng mâu thuẫn kẻ thù, hòa hoãn, nhân nhượng có nguyên tắc” với quân Tưởng.

Đầu năm 1946, phe đế quốc đã dàn xếp, thỏa thuận đề Chính phủ Pháp và Chính phủ Trung Hoa dân quốc ký kết bản Hiệp ước Trùng Khánh (còn gọi là Hiệp ước Hoa-Pháp, ngày 28-2-1946). Trước sự thay đổi nhanh chóng, phức tạp của tình hình, Thường vụ Trung ương Đảng, Hồ Chí Minh đã nhận định, đánh giá âm mưu, ý đồ chính trị của Pháp và Tưởng và ra bản Chỉ thị Tình hình và chủ trương, ngày 3-3-1946. Ngày 6-3-1946, tại Hà Nội Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với đại diện Chính phủ Cộng hòa Pháp tại Hà Nội là Jean Sainten bản Hiệp định sơ bộ.

Ngay sau khi ký Hiệp định Sơ bộ, ngày 9-3-1946, Thường vụ Trung ương Đảng đã ra ngay bản Chỉ thị Hòa để tiến phân tích, đánh giá chủ trương hòa hoãn và khả năng phát triển của tình hình.

Để giữ vững nền độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, Đảng, Chính phủ tiếp tục cuộc đấu tranh ngoại giao kiên trì, kiên quyết, đầy khó khăn, phức tạp trong suốt năm 1946 ở cả mặt trận trong nước và ngoài nước. Từ ngày 19-4 đến ngày 10-5-1946, đại diện Chính phủ Việt Nam và Pháp gặp nhau tại Hội nghị trù bị ở Đà Lạt. Ngày 14-9-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Marius Moutet (MMutê) đại diện Chính phủ Pháp một bản Tạm ước 14-9 tại Marseil (Mắcxây, Pháp), đồng ý nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hóa ở Việt Nam; hai bên cam kết đình chỉ chiến sự ở Nam Bộ và tiếp tục đàm phán.

Những chủ trương, biện pháp, sách lược và đối sách đúng đắn của Đảng, tinh thần quyết đoán, sáng tạo của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc đấu tranh chống giặc ngoài, thù trong những năm đầu chính quyền cách mạng non trẻ đã đem lại thắng lợi có ý nghĩa hết sức quan trọng: ngăn chặn bước tiến của đội quân xâm lược Pháp ở Nam Bộ, vạch trần và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các kẻ thù; củng cố, giữ vững và bảo vệ bộ máy chính quyền cách mạng từ Trung ương đến cơ sở và những thành quả của cuộc Cách mạng tháng Tám; tạo thêm thời gian hòa bình, hòa hoãn, tranh thủ xây dựng thực lực, chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

### ***2.1.2 Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950***

#### ***Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và đường lối kháng chiến của Đảng***

Từ cuối tháng 10-1946, tình hình chiến sự ở Việt Nam ngày càng căng thẳng nguy cơ một cuộc chiến tranh giữa Việt Nam và Pháp tăng dần. Đảng, Chính phủ, quân đội và nhân dân Việt Nam tiếp tục kiềm chế, kiên trì thực hiện chủ trương hòa hoãn và bày tỏ thiện chí hòa bình, nhân nhượng nhằm tìm kiếm con đường hòa bình bảo vệ giữ gìn toàn vẹn nền độc lập, tự do của Việt Nam, đồng thời cố gắng cứu vãn mối quan hệ Việt - Pháp đang ngày càng xấu đi và ngăn chặn một cuộc chiến tranh nổ ra quá sớm và không cân sức với Pháp.

Cuối tháng 11-1946, thực dân Pháp mở cuộc tấn công vũ trang đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, tiếp đó chiếm đóng trái phép ở Đà Nẵng, Hải Dương, tấn công vào các vùng tự do của ta ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ, hậu thuẫn cho lực lượng phản động xúc tiến thành lập cái gọi là “Chính phủ Cộng hòa Nam Kỳ và triệu tập Hội nghị Liên bang Đông Dương”

Ngày 12-12-1946, Trung ương ra chỉ thị Toàn dân kháng chiến. Ngày 18-12-1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (mở rộng) họp tại làng Vạn Phúc, Hà Đông đã đánh giá mức độ nghiêm trọng của tình hình, kịp thời đề ra chủ trương đối phó và quyết định phát động toàn dân, toàn quốc tiến hành cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp với tinh thần “thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”. Ngày 19-12-1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, khẳng định quyết tâm sắt đá của nhân dân ta quyết kháng chiến đến cùng để bảo vệ nền độc lập tự do.

Quán triệt đường lối chủ trương của Đảng và Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện mệnh lệnh của Chính phủ bắt đầu từ 20 giờ ngày 19 - 12 - 1946, dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, quân và dân Hà Nội ở các tỉnh miền Bắc từ vĩ tuyến 16 trở ra đã đồng loạt nổ súng, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng ta được hình thành, bổ sung, phát triển qua thực tiễn cách mạng Việt Nam trong những năm 1945 đến 1947. Nội dung cơ bản của đường lối là:

*Mục tiêu* của cuộc kháng chiến là đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành nền độc lập, tự do, thống nhất hoàn toàn; vì nền tự do dân chủ và góp phần bảo vệ hòa bình thế giới.

*Kháng chiến toàn dân* là đem toàn bộ sức dân, tài dân, lực dân; động viên toàn dân tích cực tham gia kháng chiến. Xây dựng sự đồng thuận, nhất trí của cả nước, đánh địch ở mọi nơi, mọi lúc, “mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài, mỗi đường phố là một mặt trận”. Trong đó Quân đội nhân dân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.

*Kháng chiến toàn diện* là đánh địch trên mọi lĩnh vực, mọi mặt trận không chỉ bằng quân sự mà cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, ngoại giao, trong đó mặt trận quân sự, đấu tranh vũ trang giữ vai trò mũi nhọn, mang tính quyết định. Động viên và phát huy cho được mọi tiềm năng, sức mạnh của dân tộc, mọi nguồn lực vật chất, tinh thần trong nhân dân phục vụ kháng chiến thắng lợi,

*Kháng chiến lâu dài* là tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Đảng. Trường kỳ kháng chiến là một quá trình vừa đánh tiêu hao lực lượng địch, vừa xây dựng, phát triển lực lượng ta, từng bước làm chuyển biến so sánh lực lượng trên chiến trường có lợi cho ta; lấy thời gian là lực lượng vật chất để chuyển hóa yếu thành mạnh. Kháng chiến lâu dài nhưng không có nghĩa là kéo dài vô thời hạn mà phải luôn tranh thủ, chớp thời cơ thúc đẩy cuộc kháng chiến có bước nhảy vọt về chất, thắng từng bước để đi đến thắng lợi cuối cùng.

*Kháng chiến dựa vào sức mình là chính*, là sự kế thừa chiến lược trong chỉ đạo sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giành chính quyền của lãnh tụ Hồ Chí Minh. Phải lấy ngoại, nội lực của dân tộc, phát huy nguồn sức mạnh vật chất, tinh thần vốn có trong nhân dân ta làm chỗ dựa chủ yếu, nguồn lực chủ yếu của cuộc chiến tranh nhân dân. Trên cơ sở đó, để tìm kiếm, phát huy cao độ và có hiệu quả sự ủng hộ, giúp đỡ tinh thần và vật chất của quốc tế khi có điều kiện. Lấy độc lập, tự chủ về đường lối là yếu tố quan trọng hàng đầu.

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến và đường lối kháng chiến của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, trở thành ngọn cờ dẫn đường, chỉ lối, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta tiến lên. Đường lối đó được nhân dân ủng hộ, hưởng ứng trong suốt quá trình kháng chiến và trở thành một nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

*Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1950*

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, Trung ương Đảng quyết định chia cả nước thành các khu và sau này thành các chiến khu quân sự để phục vụ yêu Cầu Chỉ đạo cuộc kháng chiến. Các Ủy ban kháng chiến hành chính được thành lập; các tổ chức chính trị, xã hội được củng cố nhằm tăng cường đoàn kết, tập hợp đông đảo nhất mọi tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến.

Ngày 6-4-1947, Ban Chấp hành Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị cán bộ Trung ương, nhấn mạnh việc mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp, củng cố chính quyền nhân dân ở vùng địch tạm chiếm, phát động chiến tranh du kích, đẩy mạnh công tác ngoại giao và tăng cường công tác xây dựng Đảng với việc mở đợt phát triển đảng viên mới “Lớp tháng Tám”.

Trên lĩnh vực kinh tế; văn hóa xã hội: Đảng tiếp tục chủ trương đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, tự cấp, tự túc lương thực, đảm bảo đời sống cho bộ đội và nhân dân. Duy trì phong trào bình dân học vụ, dạy và học của các trường phổ thông các cấp. Tìm hướng đi tranh thủ sự ủng hộ, đồng tình của lực lượng tiến bộ và nhân dân thế giới đối với cuộc kháng chiến, đặt cơ quan đại diện ở Thái Lan, Miến Điện (nay là Myanmar), cử các đoàn đại biểu đi dự hội nghị quốc tế...

Về quân sự, Thu Đông 1947 Pháp đã huy động khoảng 15.000 quân gồm cả ba lực lượng chủ lực lục quân, hải quân và không quân, hình thành ba mũi tiến công chính tiến lên vùng ATK Việt Bắc. Sau 75 ngày đêm chiến đấu liên tục, oanh liệt, đến ngày 21-12-1947, quân và dân ta đã lần lượt bẻ gãy tất cả các mũi tiến công nguy hiểm của giặc Pháp, loại khỏi vòng chiến đầu hàng ngàn tên địch, phá hủy hàng trăm xe cơ giới, bắn chìm nhiều tàu xuồng và nhiều phương tiện chiến tranh khác. Ta đã bảo toàn được cơ quan đầu não và căn cứ địa kháng chiến, đánh bại âm mưu, kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp.

Từ năm 1948, tình hình quốc tế có những chuyển biến có lợi cho các lực lượng cách mạng và tác động tích cực đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Đặc biệt, ngày 1-10-1949, Đảng Cộng sản Trung Quốc giành được chính quyền, Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời. Nước Pháp liên tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, mâu thuẫn phức tạp nảy sinh, thế chiến lược quân sự của Pháp ở Đông Dương bị đảo lộn...

Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương để tìm cơ hội thay thế Pháp. Ngày 9-1-1950, 3.000 sinh viên Sài Gòn biểu tình, Trần Văn Ôn hy sinh. Xứ ủy Nam Bộ có vai trò quan trọng trong chỉ đạo đấu tranh, luật sư Nguyễn Hữu Thọ tham gia lãnh đạo, chỉ đạo phong trào đấu tranh.

Từ giữa năm 1949 tướng Revers (Rove) - Tổng Tham mưu trưởng quân đội Pháp đề ra kế hoạch mở rộng chiếm đóng đồng bằng, trung du Bắc Bộ phong tỏa khóa chặt biên giới Việt - Trung. Tháng 6 - 1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở một chiến dịch quân sự lớn tấn công địch dọc tuyến biên giới Việt - Trung thuộc 2 tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn (Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950). Đây là chiến dịch quân sự lớn, quan trọng đầu tiên do quân ta chủ động mở; đích thân Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thị sát và trực tiếp chỉ đạo chiến dịch. Cuộc chiến đấu anh dũng và quyết liệt của quân và dân ta diễn ra không ngừng nghỉ trong suốt nhiều ngày đêm liên tục, từ ngày 16 - 9 đến 17 - 10 - 1950 và đã giành được thắng lợi to lớn, "đạt được mục tiêu diệt địch, kết thúc thời kỳ chiến đấu trong vòng vây". Chiến thắng này đã mở ra cục diện mới, đưa cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn phát triển cao hơn.

### **2.1.3. *Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi 1951-1954***

#### **2.1.3.1 *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II và Chính cương của Đảng (2-1951)***

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng họp từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951, tại xã Vinh Quang (nay là Kim Bình), huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau Diễn văn khai mạc của Tôn Đức Thắng, Đại hội đã nghiên cứu và thảo luận Báo cáo chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Báo cáo Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội của Trường Chinh, Báo cáo về tổ chức và Điều lệ Đảng của Lê Văn Lương.

Báo cáo chính trị đã tổng kết phong trào cách mạng thế giới và phong trào cách mạng Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX, dự báo những triển vọng tốt đẹp của nửa thế kỷ sau; rút ra bài học trong 21 năm hoạt động của Đảng.

Báo cáo của Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày toàn bộ đường lối cách mạng Việt Nam. Đó là đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung cơ bản của báo cáo được phản ánh trong Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam được Đại hội thông qua, gồm các nội dung quan trọng sau đây:

- **Xác định tính chất của xã hội Việt Nam** lúc này có 3 tính chất: "dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến". Cuộc kháng chiến để giải quyết mâu thuẫn giữa chế độ dân chủ nhân dân với các thế lực phản động chính là chủ nghĩa đế quốc xâm lược. Đối tượng đấu tranh chính của Việt Nam hiện nay là chủ nghĩa đế quốc xâm lược Pháp và can thiệp Mỹ, và phong kiến phản động.

- **Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam** được xác định là: "đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc; xóa bỏ những tàn tích phong



kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng; phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội". Nhưng nhiệm vụ đó có mối quan hệ khăng khít với nhau, nhưng nhiệm vụ chính lúc này là tập trung đấu tranh chống xâm lược, hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc.

. - **Động lực của cách mạng Việt Nam** được xác định gồm có bốn giai cấp là: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản và tư sản dân tộc, ngoài ra còn có những thân sĩ (thân hào, địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Trong đó lấy nền tảng là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và lao động trí óc; giai cấp công nhân đóng vai trò là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Chính cương cũng nêu ra **triển vọng phát triển của cách mạng Việt Nam** nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội

Đại hội II thành công là một bước tiến mới của Đảng về mọi mặt, là “Đại hội kháng chiến kiến quốc”, “thúc đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam”. Tuy nhiên, Đại hội cũng có hạn chế, khuyết điểm về nhân thức là mắc vào tư tưởng “là” khuynh, giáo điều rập khuôn máy móc, đưa cả lý luận Xtalin, tư tưởng Mao Trạch Đông vào làm “nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng”.

#### *Đẩy mạnh phát triển cuộc kháng chiến về mọi mặt*

Nhằm làm thất bại kế hoạch Đờ Lát Đờ Tạtxinh, từ đầu năm 1951, Đảng chủ trương mở các chiến dịch tiến công quân sự có quy mô tương đối lớn đánh vào các vùng chiếm đóng của địch ở địa bàn trung du và đồng bằng Bắc Bộ, tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch, tạo điều kiện phát triển cuộc chiến tranh du kích vùng sau lưng địch.

Trên các mặt trận chính trị, kinh tế văn hóa, xã hội, Đảng, Chính phủ chỉ đạo đẩy mạnh việc chăm lo phát triển thực lực, củng cố và tăng cường sức mạnh hậu phương kháng chiến.

Từ đầu năm 1953, Đảng chủ trương đẩy mạnh thực hiện các cải cách dân chủ phát động quần chúng nông dân triệt để giảm tô, giảm tức tiến tới cải cách ruộng đất nhằm góp phần thúc đẩy kháng chiến mau thắng lợi, thực hiện mục tiêu người cày có ruộng.

Ngày 4-12-1953, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa 1 đã thông qua Luật cải cách ruộng đất và ngày 19-12-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành sắc lệnh Luật cải cách ruộng đất

#### *2.1.3.2 Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến*

Bước vào năm 1953, quân đội Pháp ở Đông Dương bị mắc kẹt trong mâu thuẫn giữa tập trung binh lực và chiếm giữ, giữa tiến công và phòng ngự, giữa bảo vệ đồng bằng Bắc Bộ

và bảo vệ vùng Tây Bắc, Thượng Lào, Nước Pháp lệ thuộc ngày càng sâu vào viện trợ quân sự Mỹ và đang dốc mọi cố gắng hòng tìm một lối thoát trong danh dự.

Tháng 5-1953, Pháp cử Đại tướng Navar đảm nhiệm chức vụ Tổng Tham mưu trưởng lực quân khối NATO sang làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Tháng 7-1953, Nava đã vạch ra kế hoạch chính trị - quân sự mới lấy tên là “Kế hoạch Nava”. Kế hoạch Nava dự kiến thực hiện trong vòng 18 tháng nhằm “chuyển bại thành thắng”. Để đánh bại âm mưu và kế hoạch Nava, Đảng chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954. Từ đầu tháng 9-1953, Bộ Chính trị và Tổng Quân ủy chỉ đạo Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam nghiên cứu, đánh giá toàn diện tình hình quân sự trên chiến trường và vạch ra kế hoạch tác chiến mới. Cuối tháng 9-1953, Bộ Chính trị họp bàn và thông qua chủ trương tác chiến chiến lược Đông Xuân 1953-1954, nhằm tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng của ta giữ vững thế chủ động, buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó. Nghị quyết quan trọng này của Bộ Chính trị đã mở đường đi tới những thắng lợi lịch sử trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Nhằm phát huy sức mạnh của hậu phương, chi viện tiền tuyến, nhất là lực lượng nông dân, cho cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 và Chiến dịch Điện Biên Phủ, Trung ương Đảng, Quốc hội và chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định phát động phong trào quần chúng đấu tranh triệt để giảm tô, giảm tức và tiến hành cải cách ruộng đất, Bộ Chính trị quyết định thành lập Ủy ban chi viện tiền tuyến. Mọi nguồn nhân tài, vật lực, dân công tiếp tế, chi viện cho mặt trận Điện Biên Phủ được tăng cường với hàng vạn ngày công, hàng vạn tấn lương thực, đạn dược, vũ khí, phương tiện trang bị.

Chiến thắng vĩ đại ở Điện Biên Phủ là thắng lợi của ý chí và khát vọng độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam mà nòng cốt là lực lượng Quân đội nhân dân anh hùng. Với nước Pháp “Điện Biên Phủ thất thủ gây nỗi kinh hoàng khủng khiếp. Đó là một trong những thảm hại lớn nhất của phương Tây. Thắng lợi ở Điện Biên Phủ là “thiên sử vàng của dân tộc Việt Nam” được ghi nhận là một chiến công vĩ đại của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX và “đi vào lịch sử thế giới như một chiến công hiển hách, báo hiệu sự thắng lợi của nhân dân các dân tộc bị áp bức, sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân”

Cùng với thắng lợi quân sự to lớn, vang dội ở Điện Biên Phủ, trên toàn chiến trường Đông Dương quân và dân ta cũng giành thêm nhiều thắng lợi to lớn trên các mặt trận kinh tế, chính trị, quân sự ở cả vùng đồng bằng, trung du Bắc Bộ, mặt trận Bình Trị Thiên, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Những thắng lợi này đã góp phần cổ vũ, tác động tích cực đối với mặt

trận Điện Biên Phủ. Chính phủ Pháp không còn sự lựa chọn nào khác, buộc phải đàm phán tại Hội nghị Giơnevơ, bàn về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương. Ngày 8-5-1954, phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến Hội nghị với tư thế một dân tộc chiến thắng.

Hội nghị đã thông qua Bản Tuyên bố cuối cùng về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương có chữ ký của các bên (riêng phía đại biểu Mỹ không ký, nhưng tuyên bố cam kết tôn trọng Hiệp định). Bản Tuyên bố nêu rõ: Pháp và các nước tham dự Hội nghị long trọng cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào, Campuchia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước đó; cam kết chấm dứt cuộc chiến tranh và lập lại hòa bình trên bán đảo Đông Dương. Kết quả Hội nghị phản ánh xu thế chung và cục diện tình hình quốc tế lúc bấy giờ. Đây là văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia; đánh dấu kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; mở ra một trang sử mới cho dân tộc Việt Nam và mở đường cho cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất hoàn toàn cho nhân dân ba nước Đông Dương sau này.

#### ***2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ.***

##### ***2.1.4.1 Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến***

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã bảo vệ và phát triển tốt nhất các thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám; củng cố, phát triển chế độ dân chủ nhân dân trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; mang đến niềm tin vào sức sống và thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến. Thắng lợi của cuộc kháng chiến đưa đến việc giải phóng hoàn toàn miền Bắc tiếp tục tiền đề về chính trị xã hội quan trọng để Đảng quyết định đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng, bảo vệ vững chắc miền Bắc thành hậu phương lớn, chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

##### ***2.1.4.2 Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến***

Thắng lợi của cuộc kháng chiến, ghi nhận sự phát triển và thành công trong lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh giải phóng dân tộc của Đảng Lao động Việt Nam và để lại nhiều bài học, kinh nghiệm quý báu.

Một là, đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn lịch sử của cuộc kháng chiến ngay từ những ngày đầu.

Hai là, kết hợp chặt chẽ và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ cơ bản vừa kháng chiến vừa kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến.

Ba là, ngày càng hoàn thiện phương thức lãnh đạo, tổ chức điều hành cuộc kháng chiến phù hợp với đặc thù của từng giai đoạn.

Bốn là, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trong ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích một cách linh hoạt, đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhiệm vụ chính trị - quân sự của cuộc kháng chiến.

Năm là, coi trọng công tác xây dựng chính quyền Đảng; nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với cuộc kháng chiến trên tất cả mọi lĩnh vực mặt trận.

## **2.2 Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (1954 - 1975)**

### **2.2.1 Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam - Bắc 1954 - 1965**

*Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công 1954-1960*

Ở miền Bắc: Sau ngày Hiệp định Giơnevơ (7-1954) được ký kết, cách mạng có những đặc điểm và thuận lợi, khó khăn mới.

Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, nhất là sự lớn mạnh của Liên Xô. Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển. Phong trào hòa bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản; bất lợi là: xuất hiện đế quốc Mỹ hùng mạnh có âm mưu làm bá chủ thế giới, với các chiến lược toàn cầu phản cách mạng được các đời tổng thống nối tiếp nhau xây dựng và thực hiện. Thế giới đi vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang. Xuất hiện sự bất đồng, chia rẽ trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc.

Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, làm căn cứ địa hậu phương cho cả nước. Thế và lực của cách mạng đã lớn mạnh hơn trước sau 9 năm kháng chiến. Có ý chí độc lập thống nhất của nhân dân cả nước. Khó khăn là: cả nước chia làm hai miền, có chế độ chính trị khác nhau, miền Nam do đế quốc, tay sai kiểm soát, không chịu thực hiện hòa bình thống nhất đất nước. Kinh tế miền Bắc nghèo nàn, lạc hậu. Đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân Việt Nam.

Tháng 9-1954, Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của miền Bắc là hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế quốc dân, trước hết là phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định xã hội, ổn định, đời sống nhân dân, tăng cường và mở rộng hoạt động quan hệ quốc tế để sớm đưa miền Bắc trở lại hình thường sau 9 năm chiến tranh.

Hội nghị lần thứ bảy (3-1955) và lần thứ tám (8-1955) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đã nhận định: Mỹ và tay sai đã hất cẳng Pháp ở miền Nam, công khai lập nhà nước riêng chống phá Hiệp định Giơnevơ, đàn áp phong trào cách mạng. Muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai, củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ, điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Nhận rõ kinh tế Miền Bắc cơ bản là nông nghiệp, Đảng đã chỉ đạo lấy khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp làm trọng tâm. Việc khôi phục sản xuất nông nghiệp được kết hợp với cải cách ruộng đất và vận động đổi mới, giúp nhau sản xuất đồng thời, chăm lo xây dựng cơ sở vật chất cho nông nghiệp. Đến năm 1957 cơ bản nông nghiệp miền Bắc đã đạt được năng suất và sản lượng của năm 1939, năm cao nhất dưới thời Pháp thuộc. Nhờ đó nạn đói bị đẩy lùi, tạo điều kiện giải quyết những vấn đề cơ bản trong nền kinh tế quốc dân, góp phần ổn định chính trị, trật tự an ninh xã hội. Cùng với khôi phục sản xuất nông nghiệp, việc khôi phục công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và giao thông vận tải cũng hoàn thành. Hầu hết các xí nghiệp quan trọng đã được phục hồi sản xuất và tăng thêm thiết bị, một số nhà máy mới được xây dựng. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế được phát triển nhanh.

Tháng 12-1957, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đánh giá thắng lợi về khôi phục kinh tế và đề ra nhiệm vụ soạn thảo đường lối cách mạng trong giai đoạn mới. Đến tháng 11-1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 14 đề ra kế hoạch ba năm phát triển kinh tế, văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư doanh (1958-1960)

Tháng 4-1959, Hội nghị lần thứ 16 Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua Nghị quyết về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp, xác định hình thức và bước đi của hợp tác xã. Kết quả của ba năm phát triển kinh tế - văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960) đã tạo nên những chuyển biến cách mạng trong nền kinh tế và xã hội ở miền Bắc nước ta. Miền Bắc được củng cố, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội và trở thành hậu phương ổn định, vững mạnh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Ở miền Nam, từ năm 1954, lợi dụng sự thất bại và khó khăn của Pháp, đế quốc Mỹ đã nhảy vào thay chân Pháp thống trị miền Nam Việt Nam. Âm mưu xâm lược của Mỹ đối với miền Nam là biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới, chia cắt lâu dài Việt Nam; xây dựng miền Nam thành một căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc và hệ thống xã hội chủ nghĩa từ phía Đông Nam khi có điều kiện; biến miền Nam thành một mắt xích trong hệ thống căn cứ quân sự ở Đông Nam Á nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội xuống vùng này.

Xuất phát từ tương quan lực lượng giữa ta và địch, từ tháng 1-1954, Đảng quyết định thay đổi phương thức đấu tranh quân sự sang đấu tranh chính trị. Nghị quyết của Bộ chính trị tháng 9-1954, nêu rõ 3 nhiệm vụ cụ thể trước mắt của cách mạng miền Nam là: đấu tranh đòi thi hành Hiệp định; chuyển hướng công tác cho phù hợp điều kiện mới; tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình, thống nhất, độc lập, đấu tranh nhằm lật đổ chính quyền bù nhìn thân Mỹ, hoàn thành thống nhất Tổ quốc.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị về tình hình và công tác của các Đảng bộ miền Nam, tháng 10-1954, xứ ủy Nam Bộ được thành lập do đồng chí Lê Duẩn. Ủy viên Bộ Chính trị làm Bí thư. Từ thực tiễn cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam, tháng 8-1956, đồng chí Lê Duẩn đã dự thảo Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam, nêu rõ chế độ thống trị của Mỹ Diệm ở miền Nam là một chế độ độc tài, phát xít, hiếu chiến. Đề chống đế quốc Mỹ và tay sai, nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình là con đường cách mạng. Ngoài con đường cách mạng không có một con đường khác. Bản đề cương là một trong những văn kiện quan trọng, góp phần hình thành đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam của Đảng.

Chính sách khủng bố và chiến tranh đã làm cho mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ và tay sai với nhân dân miền Nam Việt Nam thêm gay gắt, làm cho tình thế cách mạng chín muồi, dẫn đến bùng nổ các cuộc khởi nghĩa của quần chúng. Đáp ứng yêu cầu đó, tháng 1-1959, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 đã ra nghị quyết về cách mạng miền Nam với nội dung cơ bản là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, sử dụng bạo lực cách mạng với hai lực lượng chính trị và vũ trang. kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự, tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân. Nghị quyết 15 đã vạch rõ phương hướng tiến lên cho cách mạng miền Nam, tạo đà cho cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra ngày càng rộng lớn.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi là bước nhảy vọt có ý nghĩa lịch sử của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công; từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng chống chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam 1961-1965.

Vào năm 1965, chiến tranh lan rộng ra cả nước đã đặt vận mệnh của dân tộc ta trước những thách thức nghiêm trọng. Trước tình hình đó, Hội nghị tháng 3-1965 và Hội nghị 12 - 1965 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi toàn quốc và hạ quyết tâm chiến lược: “Động viên lực lượng của

cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào, để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc; dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà”.

Về mối quan hệ và nhiệm vụ cách mạng của hai miền: Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân cả nước, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Phải nắm vững mối quan hệ giữa nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam. Bảo vệ miền Bắc là nhiệm vụ của cả nước, vì miền Bắc xã hội chủ nghĩa là thành quả chung rất to lớn của nhân dân cả nước ta, cả hậu phương vững chắc trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Phải đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc và ra sức tăng cường lực lượng miền Bắc về mọi mặt, nhất là về kinh tế và quốc phòng, nhằm đảm bảo chi viện đắc lực cho miền Nam, đồng thời, vừa tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm phát huy vai trò đắc lực của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Hai nhiệm vụ trên đây không tách rời nhau, mà mật thiết gắn bó nhau, hỗ trợ nhau về mọi mặt.

### ***2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước 1965 – 1975***

Ở miền Bắc: Từ ngày 5-8-1964, Mỹ dựng lên “sự kiện vịnh Bắc Bộ” nhằm lấy cớ dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Chủ trương chuyển hướng và những nhiệm vụ của miền Bắc phản ánh quyết tâm của Đảng và nhân dân ta trong việc kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, tiếp tục tăng cường sức mạnh của miền Bắc làm chỗ dựa vững chắc cho sự nghiệp chống Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Quyết tâm đó đã được thể hiện trong Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 17-7-1966; “Chiến tranh có kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ. Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

Đến cuối năm 1967, cuộc “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ đã được đẩy đến đỉnh cao, số quân viễn chinh đổ vào miền Nam đã lên 48 vạn, mọi thủ đoạn và biện pháp chiến tranh đã được sử dụng, thế nhưng đế quốc Mỹ vẫn không sao thực hiện được các mục tiêu chính trị và quân sự đã đề mà mặt khác thất bại ở Việt Nam làm cho tình hình nước Mỹ ngày càng bất ổn; phong trào phản đối chiến tranh, đòi rút quân Mỹ về nước ngày càng lan rộng trong các tầng lớp nhân dân. Kết hợp với những thắng lợi về quân sự và chính trị, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã quyết định mở mặt trận ngoại giao nhằm tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, bè bạn, mở ra cục diện vừa đánh vừa đàm bảo phát huy sức mạnh tổng hợp để đánh Mỹ.

Những thất bại và khó khăn của địch cùng với những thắng lợi to lớn của ta vừa giành được đã mở ra cho cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam những triển vọng to lớn. Tháng 7-1967, đồng chí Phạm Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị được cử giữ chức Bí thư Trung ương cục miền Nam thay đồng chí Đại tướng Nguyễn Chí Thanh vừa qua đời. Đồng chí Trần Văn Trà làm Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, đồng chí Nguyễn Thị Định làm Phó Tư lệnh. Tháng 12-1967, Bộ Chính trị đã ra một nghị quyết lịch sử, đó là chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới, thời kỳ tiến lên giành thắng lợi quyết định bằng phương pháp tổng công kích - tổng khởi nghĩa vào tất cả các đô thị, dinh lũy của Mỹ - Ngụy trên toàn miền Nam. Nghị quyết này của Bộ Chính trị đã được Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) thông qua.

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng, Quân giải phóng mở chiến dịch đường 9 Khe Sanh, như là cuộc nghi binh chiến lược. Đêm 30 rạng ngày 31-1-1968, đúng vào dịp giao thừa Tết Mậu Thân, thừa lúc địch sơ hở, cuộc tổng tiến công và nổi dậy đợt I đã được phát động trên toàn miền Nam. Trong cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân, lực lượng biệt động như là biệt động Sài Gòn có vai trò quan trọng. Quân giải phóng đã làm chủ thành phố Huế 251 ngày, chiến công của nữ dân quân đã được Bác Hồ gửi thư chúc mừng.

Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân là một chủ trương táo bạo và sáng tạo của Đảng, đánh thẳng vào ý chí xâm lược của giới cầm quyền Mỹ. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 là một đòn tiến công chiến lược đánh vào kẻ thù. Đây là thất bại chiến lược có tính chất bước ngoặt, khởi đầu quá trình đi đến thất bại hoàn toàn của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ thất bại; Mỹ buộc phải chấp nhận đàm phán với Việt Nam tại Hội nghị Paris (Pháp) từ ngày 13-5-1968. Phái đoàn đàm phán của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Bộ trưởng Xuân Thủy làm trưởng đoàn và đồng chí Lê Đức Thọ ủy viên Bộ Chính trị làm cố vấn. Tháng 1-1969, Mỹ phải chấp nhận cuộc đàm phán với Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Paris, có sự tham gia của đoàn đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập ngày 6-6-1969 do kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát làm Chủ tịch và cử đoàn đại biểu tham gia đàm phán ở Paris do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Thi Bình làm Trưởng đoàn.

Từ tháng 4-1972, để ngăn chặn cuộc tiến công chiến lược của quân dân ta ở miền Nam, đế quốc Mỹ đã cho máy bay tàu chiến tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai hết sức ác liệt, nhất là chúng cho rải thảm bom bằng pháo đài bay B52 trong 12 ngày đêm ở Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương khác (Mỹ gọi đó là cuộc hành quân Lainerbacker



II). Trước hành động chiến tranh điên cuồng của địch, Trung ương Đảng đã phát động quân dân miền Bắc nhanh chóng phát triển cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của địch, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, tiếp tục chi viện miền Nam, giữ vững lập trường đàm phán. Trong 9 tháng chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, quân dân miền Bắc đã bình tĩnh, sáng tạo, nhất là 12 ngày đêm cuối năm 1972, lập nên trận “Điện Biên Phủ trên không”, đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ. Chính phủ Mỹ phải tuyên bố ngừng mọi hoạt động phá hoại miền Bắc và trở lại bàn đàm phán ở Paris.

Sau ngày Hiệp định Paris được ký kết miền Bắc có hòa bình, Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch hai năm khôi phục và phát triển kinh tế 1974 - 1975. Với khí thế chiến thắng, nhân dân miền Bắc đã lao động hăng hái, khẩn trương, thực hiện có hiệu quả kế hoạch hai năm khôi phục và phát triển kinh tế. Đến năm 1975, hầu hết các cơ sở kinh tế đã trở lại hoạt động bình thường. Năng lực sản xuất nhiều ngành kinh tế như công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải được tăng cường thêm một bước. Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp và công nghiệp trên một số mặt quan trọng đã đạt và vượt mức năm 1965, đời sống nhân dân được ổn định và cải thiện. Sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế tiếp tục phát triển với tốc độ cao, hàng chục vạn thanh niên đã nô nức tòng quân trên đường ra mặt trận. Hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ và nhân viên chuyên môn kỹ thuật cũng hăng hái vào Nam làm nhiệm vụ chống Mỹ.

Hội nghị lần thứ 18 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1-1970) và Hội nghị Bộ Chính trị đã đề ra chủ trương mới nhằm chống lại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, lấy nông thôn làm hướng tiến công chính, tập trung ngăn chặn và đẩy lùi chương trình “bình định” của địch. Về mặt tác chiến, lưu ý trong khi đẩy mạnh tác chiến chính quy của bộ đội chủ lực, phải kiên quyết thực hiện cho kỳ được một chuyển biến mạnh mẽ trong phong trào chiến tranh nhân dân địa phương, phát triển mạnh mẽ ba thứ quân.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng, quân và dân ta ở miền Nam đã giành được thắng lợi to lớn trên khắp các chiến trường. Đặc biệt, cuối năm 1974 đầu năm 1975, quân ta đánh chiếm thị xã Phước Long (ngày 6-4-1975), giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long, địch không có khả năng đánh chiếm trở lại. Tình thế này chứng tỏ quân chủ lực cơ động của ta đã mạnh hơn hẳn quân chủ lực cơ động của địch, khả năng giải phóng hoàn toàn miền Nam đã chín muồi.

Hội nghị Bộ Chính trị họp đợt 1 (từ ngày 3 đến ngày 8-10-1974) và đợt 2 (từ ngày 8-12-1974 đến ngày 1-1-1975), đã bàn về chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam.

### **2.2.3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954 - 1975**

#### **2.2.3.1 Ý nghĩa lịch sử**

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, giành lại nền độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ cho đất nước.

Đã kết thúc thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc, kỷ nguyên cả nước hòa bình, thống nhất, cùng chung một nhiệm vụ chiến lược đi lên chủ nghĩa xã hội; làm tăng thêm sức mạnh vật chất tinh thần, thể và lực cho cách mạng và dân tộc Việt Nam, nâng cao uy tín của Đảng và dân tộc trên trường quốc tế; nâng cao khí phách, niềm tự hào và để những kinh nghiệm quý báu cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Làm thất bại âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc tiến công vào chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới; đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhất, dài ngày nhất của chủ nghĩa đế quốc kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

#### *2.2.3.2 Nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến*

Có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo; sự đoàn kết, phấn đấu hy sinh của đồng bào và chiến sĩ cả nước, nhất là những chiến sĩ trực tiếp chiến đấu hy sinh trên chiến trường miền Nam, trong đó có vai trò đóng góp của lực lượng hoạt động bí mật trong lòng địch, là kết quả của tình đoàn kết chiến đấu của quân, dân Việt Nam, Lào, Campuchia và sự ủng hộ và sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, sự ủng hộ nhiệt tình của phong trào công nhân và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, trong đó có nhân dân tiến bộ Mỹ.

#### *2.2.3.3 Bài học kinh nghiệm*

Một là, giữ vững cao ngai độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hai là, tìm ra phương pháp đấu tranh đúng đắn, thực hiện khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân, sử dụng phương pháp cách mạng tổng hợp.

Ba là, phải có công tác chỉ đạo giỏi của các cấp bộ Đảng và các cấp chỉ huy quân đội.

Bốn là, hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng, lực lượng cách mạng ở miền Nam và tổ chức xây dựng lực lượng chiến đấu trong cả nước, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế.

Hạn chế của Đảng trong thực tiễn: có thời điểm đánh giá so sánh lực lượng giữa ta và địch chưa thật đầy đủ và còn có những biểu hiện nóng vội, chủ quan, duy ý chí trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

### Chương 3

## **ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018)**

### **3.1. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)**

#### **3.1.1 Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981**

Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước ta bước vào một kỉ nguyên mới: Tổ quốc hoàn toàn độc lập, thống nhất, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện bước quá độ này, rất nhiều nhiệm vụ được Đảng đặt ra nhưng nhiệm vụ đầu tiên, bức thiết nhất là lãnh đạo thống nhất nước nhà về mặt nhà nước. Cụ thể là thống nhất hai chính quyền khác nhau ở hai miền là Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ở miền Nam.

Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III (8-1975) chủ trương: Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội; miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1976-1981*

Đại hội lần thứ IV của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976, tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1.008 đại biểu, thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trên cả nước, có 29 đoàn đại biểu của các Đảng và tổ chức quốc tế tham dự.

Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu kế hoạch 5 năm (1976-1980), Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng; quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam và sửa đổi *Điều lệ Đảng*, bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 101 ủy viên chính thức, 32 ủy viên dự khuyết, bầu đồng chí Lê Duẩn làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội đã phân tích tình hình thế giới, trong nước và nêu lên ba đặc điểm lớn của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới:

+ *Một là*, nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

+ *Hai là*, Tổ quốc ta đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi rất lớn, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới gây ra.

+ *Ba là*, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa thế lực cách mạng và thế lực phản cách mạng trên thế giới còn gay go, quyết liệt”

Đại hội xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới của nước ta là: “Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Đại hội xác định đường lối xây dựng, phát triển kinh tế, trong đó nổi bật là: Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bằng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, xây dựng cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp; kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, kết hợp phát triển lực lượng sản xuất; tăng cường quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác.

Đại hội lần thứ IV của Đảng là đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, khẳng định và xác định đường lối đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội đã cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân ra sức lao động sáng tạo để “xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Hội nghị Trung ương 6 (8-1979) được là *bước đột phá đầu tiên* đổi mới kinh tế của Đảng với chủ trương khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, phá bỏ những rào cản để cho “sản xuất bung ra”. Theo đó, Hội đồng Chính phủ ra quyết định (10-1979) về việc tận dụng đất đai nông nghiệp để khai hoang, phục hoá được miễn thuế, trả thù lao và được sử dụng toàn bộ sản phẩm; quyết định xóa bỏ những

trạm kiểm soát để người sản xuất có quyền tự do đưa sản phẩm ra trao đổi ngoài thị trường.

Sau 30 năm chiến đấu liên tục để giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, nguyện vọng thiết tha của nhân dân Việt Nam là hoà bình, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ để xây dựng đất nước. Song chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đã cấu kết với nhau ra sức chống phá, buộc Việt Nam phải tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

Để bảo vệ độc lập và chủ quyền Tổ quốc, quân và dân Việt Nam đã đánh trả, tiến công đánh đuổi bọn xâm lược Pôn-pôt ra khỏi bờ cõi. Thử theo yêu cầu của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, từ ngày 26-12-1978, quân tình nguyện Việt Nam phối hợp và giúp đỡ Cam-pu-chia tổng tiến công, đến ngày 7-1-1979 giải phóng Phnôm Pênh, đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pôt. Ngày 18-2-1979, Việt Nam và Cam-pu-chia ký Hiệp ước hoà bình, hữu nghị và hợp tác. Theo Hiệp ước, quân đội Việt Nam có mặt ở Cam-pu-chia để giúp bạn bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và hồi sinh đất nước. Hành động đó của Việt Nam là chính nghĩa và cũng xuất phát từ nhu cầu tự vệ chính đáng được ghi nhận trong Điều 51 Hiến chương Liên hợp quốc và đã được nhân dân Cam-pu-chia và thế giới ghi nhận.

Sau 5 năm 1975-1981, quân dân cả nước đã giành được thành tựu thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, chiến thắng trong hai cuộc chiến tranh biên giới và đã khắc phục một phần hậu quả chiến tranh và thiên tai liên tiếp gây ra. Các tỉnh phía Nam đã cơ bản việc xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của đế quốc, phong kiến. Ở miền Bắc, bước đầu có sự cải tiến đưa nông nghiệp từng bước lên sản xuất lớn với các đội chuyên làm khoán. Tuy nhiên, kết quả nhìn chung đã không đạt chỉ tiêu do Đại hội IV đề ra: lưu thông, phân phối rối ren, giá cả tăng vọt, nhập khẩu tăng gấp 4-5 lần xuất khẩu. Đời sống của nhân dân, cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang rất khó khăn. Từ cuối năm 1979, ở một số địa phương miền Bắc đã xuất hiện hiện tượng “xé rào”, “khoán chui”. Ở miền Nam, việc thí điểm hợp tác xã diễn ra phức tạp, lúng túng...

Những khó khăn trên có nguồn gốc sâu xa từ nền kinh tế thấp kém, thiên tai nặng nề liên tiếp xảy ra, chiến tranh biên giới và chính sách cấm vận, bao vây, cô lập của Mỹ và các thế lực thù địch. Tuy nhiên về chủ quan, do những khuyết điểm, sai lầm của Đảng, Nhà nước về lãnh đạo và quản lý kinh tế, xã hội làm trầm trọng thêm những khó khăn trên. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã tự phê bình về những khuyết điểm và sai lầm đó trước Đại hội V của Đảng.

### **3.1.2 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986**

#### *Đại hội V của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội*

Đại hội Đảng lần thứ V họp từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982 trong bối cảnh tình hình và thế giới trong nước có một số mặt thuận lợi, nhưng nhiều khó khăn, thách thức mới. Hoa Kỳ tiếp tục thực hiện chính sách bao vây cấm vận và “kế hoạch hậu chiến”. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế ra sức tuyên truyền xuyên tạc việc quân tình nguyện Việt Nam làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia, gây sức ép với Việt Nam, chia rẽ ba nước Đông Dương. Trong nước, tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta ngày càng trầm trọng.

Nhiệm vụ của chặng đường trước mắt là ổn định tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Đáp ứng nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh, trật tự xã hội. Chặng đường trước mắt trong những năm 80 là ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân; tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu; đáp ứng nhu cầu của quốc phòng, giữ vững an ninh, trật tự xã hội.

Cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ chiến lược là: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau. “Trong khi không một phút lơ lửng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta và nhân dân ta phải đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội”

Nội dung, bước đi, cách làm thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên là: tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý. Nhận thức đó phù hợp với thực tiễn nước ta, khai thác và phát huy thế mạnh, tiềm năng của đất nước về lao động, đất đai, ngành nghề..., làm cơ sở để thực hiện nhiệm vụ chủ yếu của chặng đường đầu tiên, tạo ra những tiền đề cần thiết cho chặng đường tiếp theo. Đại hội V đã thông qua những nhiệm vụ kinh tế, văn hóa và xã hội, tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chính sách đối ngoại.

Đại hội V đã có những bước phát triển nhận thức mới, tìm tòi đổi mới trong bước quá

độ lên chủ nghĩa xã hội, trước hết là về mặt kinh tế.

*Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế;*

Sau Đại hội V, Trung ương Đảng có nhiều Hội nghị cụ thể hoá, thực hiện Nghị quyết Đại hội. Nổi bật là Hội nghị Trung ương 6 (7-1984) chủ trương tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông với hai loại công việc cần làm ngay:

+ Một là, phải đẩy mạnh thu mua năm nguồn hàng, quản lý chặt chẽ thị trường tự do;

+ Hai là, thực hiện điều chỉnh giá cả, tiền lương, tài chính cho phù hợp với thực tế. Hội nghị Trung ương 7 (12-1984) xác định kế hoạch năm 1985 phải tiếp tục coi mặt trận sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm. Nổi bật nhất là Hội nghị Trung ương 8 khoá V (6- 1985) được coi là *bước đột phá thứ hai* trong quá trình tìm tòi, đổi mới kinh tế của Đảng. Tại Hội nghị này, Trung ương chủ trương xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu hành chính bao cấp, lấy giá lương tiền là khâu đột phá để chuyển sang cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

*Về cơ cấu sản xuất*, Hội nghị cho rằng, chúng ta đã chủ quan, nóng vội đề ra một số chủ trương quá lớn về quy mô, quá cao về nhịp độ xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất. Đây là một nguyên nhân quan trọng khiến cho sản xuất trong 5 năm gần đây như dẫm chân tại chỗ, năng suất lao động giảm sút, chi phí sản xuất không ngừng tăng lên, tình hình kinh tế-xã hội ngày càng không ổn định. Bởi vậy, phải biết lựa chọn bước đi và hình thức thích hợp trên quy mô cả nước cũng như từng vùng, từng lĩnh vực, phải đi qua những bước trung gian, quá độ từ thấp đến cao, từ quy mô nhỏ đến trung bình, rồi tiến lên quy mô lớn; phải nhận thức đúng đắn đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

*Về cơ chế quản lý kinh tế*, Hội nghị cho rằng, bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, làm cho hai mặt ăn khớp với nhau tạo ra động lực mới thúc đẩy sản xuất phát triển.

Những kết luận trên đây là kết quả tổng hợp của cả quá trình tìm tòi, thử nghiệm, đấu tranh giữa quan điểm mới và quan điểm cũ, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế. Những quan điểm mới được trình bày trong bản kết luận đã định hướng cho việc soạn thảo Báo cáo chính trị để trình ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, thay cho bản Dự thảo Báo cáo chính trị được chuẩn bị trước đó vẫn còn giữ lại nhiều quan điểm cũ không phù hợp với yêu cầu trước mắt là khắc phục cho được khủng hoảng kinh tế-xã hội.

Các bước đột phá tháng 8-1979, tháng 6-1985 và tháng 8-1986 phản ánh sự phát triển nhận thức từ quá trình khảo nghiệm, tổng kết thực tiễn, từ sáng kiến và nguyện vọng lợi ích của nhân dân để hình thành đường lối đổi mới.

## **3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế**

### **3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996**

*Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện.*

Đại hội VI của Đảng diễn ra tại Hà Nội, từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986, trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật đang phát triển mạnh, xu thế đối thoại trên thế giới đang dần thay thế xu thế đối đầu. Đổi mới đã trở thành xu thế của thời đại. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đều tiến hành cải tổ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Việt Nam đang bị các đế quốc và thế lực thù địch bao vây, cấm vận và ở tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng đều khan hiếm; lạm phát tăng 300% năm 1985 lên 774% năm 1986. Các hiện tượng tiêu cực, vi phạm pháp luật, vượt biên trái phép diễn ra khá phổ biến. Đổi mới đã trở thành đòi hỏi bức thiết của tình hình đất nước.

Đại hội đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm, chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm của Đảng trong thời kỳ 1975-1986. Đó là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện. Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm, khuyết điểm đó, đặc biệt là trên lĩnh vực kinh tế là bệnh chủ quan duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan. Đó là tư tưởng tiểu tư sản, vừa “tả” khuynh vừa hữu khuynh. Nguyên nhân của mọi nguyên nhân bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng. Đại hội rút ra bốn bài học quý báu:

- *Một là*, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”.
- *Hai là*, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.
- *Ba là*, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.
- *Bốn là*, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn là lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, coi đó là sự cụ thể hóa nội dung công nghiệp hoá trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa thường xuyên với hình thức, bước đi



thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp và lực lượng sản xuất phát triển. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, giải quyết cho được những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông. Xây dựng và tổ chức thực hiện một cách thiết thực, có hiệu quả các chính sách xã hội. Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh

Năm phương hướng lớn phát triển kinh tế là: Bố trí lại cơ cấu sản xuất; điều chỉnh cơ cấu đầu tư xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế; đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phát huy mạnh mẽ động lực khoa học kỹ thuật; mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Đại hội VI nhấn mạnh: “ Tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa”.

Đại hội VI của Đảng là Đại hội khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện, đánh dấu ngoặt phát triển mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Các Văn kiện của Đại hội mang tính chất khoa học và cách mạng, tạo bước ngoặt cho sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, hạn chế của Đại hội VI là chưa tìm ra những giải pháp hiệu quả tháo gỡ tình trạng rối ren trong phân phối lưu thông.

*Về cải tạo xã hội chủ nghĩa*, Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài của nhiều thành phần kinh tế. Nâng cao vai trò chủ đạo của nền kinh tế quốc doanh, phát huy khả năng tích cực của các thành phần kinh tế khác. Các thành phần kinh tế bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ trước pháp luật.

*Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.*

Đại hội nhận định đất nước sau hơn 4 năm đổi mới cơ bản ổn định nhưng chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Công cuộc đổi mới còn nhiều hạn chế, còn nhiều vấn đề kinh tế - xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết, nền kinh tế bước đầu chuyển biến tích cực, hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Lạm phát năm 1988: 393,3%, năm 1990 còn 67,4%.

Đại hội thông qua cương lĩnh nêu rõ xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có 6 đặc trưng cơ bản là: “Do nhân dân lao động làm chủ. Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Con người được giải phóng khỏi

áp bức, bóc lột, bắt công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”.

Cương lĩnh nêu ra 7 phương hướng lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội là: Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm. Thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu; phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa làm cho thế giới quan Mác – Lênin, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mục tiêu tổng quát phải đạt tới, khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Đại hội VII lần đầu tiên thông qua *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000*, trong đó xác định mục tiêu tổng quát đến năm 2000 là ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển. GDP năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990.

Tổng kết bài học bước đầu qua 5 năm đổi mới:

- *Một là*, phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới, kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới.

- *Hai là*, đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

- *Ba là*, phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế, xã hội.

- *Bốn là*, tiếp tục phát huy sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng phải được lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc phù hợp.

- *Năm là*, trong quá trình đổi mới phải quan tâm dự báo tình hình, kết hợp phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh trên tinh thần kiên định thực hiện đường lối đổi mới.

Tại Đại hội VII, lần đầu tiên Đảng giương cao ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh và khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của dân tộc và nhân loại, nắm vững quy luật khách quan và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân”.

Mục tiêu tổng quát của 5 năm tới là vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

Đại hội VII của Đảng là *"Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỉ cương-đoàn kết"* hoạch định con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm của Việt Nam.

### ***3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế 1996-2018***

*Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá 1996-2001*

Đại hội VIII họp tại Hà Nội, từ ngày 28-6 đến ngày 1-7-1996, trong bối cảnh cách mạng khoa học và công nghệ phát triển với trình độ cao hơn. Chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào thoái trào. Sau 10 năm đổi mới, nhân dân Việt Nam đã giành được những thắng lợi bước đầu về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, phá được thế bị bao vây, cô lập nhưng vẫn là nước nghèo, kém phát triển, xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết. Lạm phát từ 67,1% năm 1991 giảm còn 12,7% năm 1995.

- Đại hội nêu ra sáu bài học chủ yếu qua 10 năm đổi mới:

+ *Một là*, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới.

+ *Hai là*, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị; lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

+ *Ba là*, xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ *Bốn là*, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân phát huy sức mạnh của cả dân tộc.

+ *Năm là*, mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại.

+ *Sáu là*, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Quan điểm về công nghiệp hoá trong thời kỳ mới gồm:

1) Giữ vững độc lập, tự chủ, đi đôi với mở rộng quan hệ quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước chính là đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài.

2) Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

3) Lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

4) Khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

5) Lấy hiệu quả kinh tế làm chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ.

6) Kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh.

Đại hội VIII đánh dấu bước ngoặt của Đảng, đưa đất nước sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sau Đại hội, để đáp ứng yêu cầu tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII (12-1996) đã ban hành hai nghị quyết quan trọng, nhấn mạnh coi giáo dục-đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội.

Nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000 đã xác định quan điểm: Xây dựng con người những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục-đào tạo. Coi giáo dục - đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân. Phát triển giáo dục-đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, những tiến bộ khoa học-công nghệ và củng cố quốc phòng, an ninh.

Quan điểm chỉ đạo của Đảng về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá là: Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, đi sâu nghiên cứu, tổng kết quá trình đổi mới đất nước. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong tất cả

các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý và quốc phòng - an ninh. Nâng cao năng lực nội sinh, xây dựng, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của nước nhà, từng bước hình thành nền khoa học và công nghệ hiện đại của Việt Nam.

Văn hóa Việt Nam là thành quả hàng nghìn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả giao lưu và tiếp thu tinh hoa của nhiều nền văn minh thế giới. Văn hóa Việt Nam tiếp tục được phát huy, đã góp phần quyết định vào những thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong sự nghiệp đổi mới. Theo chương trình toàn khóa VIII, Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII (7-1998) đã ban hành Nghị quyết xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trung ương nhấn mạnh quan điểm: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội. Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện.

*Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước 2001-2006*

Đại hội IX của Đảng họp tại Hà Nội, từ ngày 19 đến ngày 22-4-2001, là Đại hội mở đầu thế kỷ XXI, cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức, toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ. Sau sự kiện 11-9-2001 ở Mỹ, một nước lớn lợi dụng chống khủng bố, tăng cường can thiệp vào công việc nội bộ của nhiều nước. Khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương trở thành khu vực phát triển kinh tế năng động nhưng tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định. Sau 15 năm đổi mới, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo thế và lực mới nhưng nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế bình quân trong 5 năm mà Đại hội VIII đề ra là 9 - 10% đã không đạt. Các nguy cơ mà Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng (1-1994) đã nêu ra vẫn là những thách thức lớn của cách mạng nước ta.

Ngoài những nội dung tiếp tục đổi mới toàn diện, các văn kiện của Đại hội IX nổi bật với những nhận thức mới về con đường xã hội ở nước ta đó là:

Thế kỷ XX ghi đậm trong lịch sử loài người ba dấu ấn cực kỳ sâu sắc: Khoa học và công nghệ tiến nhanh chưa từng thấy; diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu; đầu thế kỷ phong trào cách mạng phát triển rộng toàn thế giới, cuối thế kỷ, chủ nghĩa xã hội hiện thực tạm thời lâm vào thoái trào. Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ của những biến đổi to lớn, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời mở ra bước ngoặt của cách mạng Việt Nam; thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; thắng lợi của các cuộc

kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc; thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, công nghiệp theo hướng hiện đại; tiếp tục đưa GDP năm 2010 lên gấp đôi so với năm 2000.

Đại hội khẳng định những bài học đổi mới do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên vẫn còn có giá trị lớn, nhất là những bài học: Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo. Đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

Đảng và nhân dân quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại”. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta. Khẳng định lấy chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

Con đường phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế- xã hội; làm cho chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân; góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, về năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống văn hoá, quan hệ hài hoà trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế.

*Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.*

Đại hội lần thứ IX của Đảng tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đánh dấu bước trưởng thành về nhận thức vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển và cụ thể hoá Cương lĩnh chính trị năm 1991 của Đảng trong những năm đầu của thế kỷ XXI.

*Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và quá trình thực hiện 2006-2011*

Đại hội X của Đảng họp tại Hà Nội, họp từ ngày 18 đến ngày 25-4-2006, vào thời điểm đất nước đã trải qua 20 năm đổi mới, đạt những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Đất nước có sự thay đổi cơ bản, toàn diện, thế và lực, uy tín quốc tế tăng lên nhiều so với trước. Tình hình quốc tế diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta có những thuận lợi và cơ hội lớn, nhưng cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức không thể xem thường.

Các văn kiện của Đại hội trình bày toàn diện những nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới, nổi bật với là nhiệm vụ trọng tâm, tổng quát thể hiện trong chủ đề của Đại hội *“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”*.

Đại hội X có sự tiếp thu, bổ sung hai đặc trưng mới của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng so với Cương lĩnh năm 1991 là: Dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, diễn đạt lại các đặc trưng khác. Cụ thể: Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Quan điểm mới nổi bật của Đại hội X là đã cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân, kể cả tư bản tư nhân nhưng yêu cầu phải tuân thủ Điều lệ Đảng, nghị quyết của Đảng và quy định của pháp luật Nhà nước đồng thời nêu cao tính tiên phong gương mẫu của người đảng viên. Đây là chủ trương đúng đắn, vừa phù hợp thực tế, vừa động viên mọi nguồn lực vào

thực hiện mục tiêu của Đảng “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”.

Đại hội chủ trương tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu: Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức. Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế.

Đại hội X của Đảng là dấu mốc quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các văn kiện được thông qua tại Đại hội X là kết tinh trí tuệ và ý chí của toàn Đảng, toàn dân quyết tâm đổi mới toàn diện, phát triển với tốc độ nhanh và bền vững hơn trong thời kỳ mới.

*Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.*

Đại hội XI của Đảng họp tại Hà Nội họp từ ngày 12 đến ngày 19-1-2011, trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ diễn biến phức tạp. Thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng, suy thoái kinh tế toàn cầu, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu xảy ra nghiêm trọng trên toàn thế giới. Cả nước vừa kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long-Hà Nội với những thành tựu quan trọng nhưng còn nhiều yếu kém cần được khắc phục. Các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, kích động bạo loạn, đẩy mạnh hoạt động “diễn biến hoà bình”.

Đại hội thông qua cương lĩnh khẳng định những bài học kinh nghiệm lớn:

- + *Một là*, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- + *Hai là*, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.
- + *Ba là*, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.
- + *Bốn là*, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.
- + *Năm là*, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh năm 2011 có sửa đổi hai từ *bảo đảm* bằng từ *quyết định* ở bài học thứ 5; bổ sung vào nội dung phân tích ở bài học thứ hai: “Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân, sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng”.

*Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh mới diễn biến phức tạp.*

*Về đặc điểm, xu thế chung:* Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức



và quá trình toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển. Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn; nhưng đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ biển đảo, tài nguyên, cạnh tranh quyết liệt về kinh tế tiếp tục diễn ra phức tạp. Khu vực châu Á-Thái Bình Dương và Đông Nam Á phát triển năng động những vẫn tiềm ẩn nhiều nhân tố mất ổn định.

*Đánh giá về chủ nghĩa xã hội:* Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đã đạt những thành tựu to lớn về nhiều mặt, từng là chỗ dựa cho phong trào hoà bình và cách mạng thế giới, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. “Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhưng một số nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng, tiến hành cải cách, đổi mới, giành được những thành tựu to lớn, tiếp tục phát triển; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những bước hồi phục”

*Về mô hình, mục tiêu, phương hướng cơ bản*

Cương lĩnh năm 2011 nêu rõ “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”

Cương lĩnh năm 2011 chỉ rõ tám phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta:

*Một là,* đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

*Hai là,* phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Ba là,* xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

*Bốn là,* bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

*Năm là,* thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và

phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

*Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.*

*Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.*

*Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.*

*Những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại*

Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển.

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam. coi phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển.

Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mọi công dân. Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển năng lượng sạch, sản xuất và tiêu dùng sạch. coi trọng nghiên cứu, dự báo, thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và thảm hoạ thiên nhiên.

Kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ; khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào lao động; thiết lập hệ thống đồng bộ, đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp xã hội; hạn chế,

tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi.

Mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hoà bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Về Đảng Cộng sản Việt Nam, bổ sung cách diễn đạt bản chất của Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

Như vậy, cương lĩnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về lý luận và thực tiễn, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; thể hiện nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và con đường lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Cương lĩnh là cơ sở đoàn kết, thống nhất giữa tư tưởng với hành động của toàn Đảng, toàn dân, là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong những thập kỷ tới.

*Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020, Đại hội nhấn mạnh:*

Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược. Đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”. Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao.

*Ba đột phá chiến lược:* Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính. Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

*Định hướng phát triển kinh tế-xã hội:* Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; thực hiện tốt chức năng của Nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường; hoàn thiện bộ máy nhà nước, chuyển mạnh về cải cách hành chính; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước.

Về đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế; về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức, coi trọng bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; củng cố và tiếp tục xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, phong phú, đa dạng; thực hiện có hiệu quả tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; thực hiện nhất quán là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội XII của Đảng họp từ ngày 21 đến 28-1-2016, trong bối cảnh tình hình thế giới khu vực diễn biến nhanh, rất phức tạp, khó lường. Đất nước đã qua 30 năm đổi mới, thế và lực tăng lên rõ rệt, có cả những thuận lợi, thời cơ đan xen

Chủ đề của Đại hội là: *“Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”*.

Đại hội XII đã kiểm điểm, đánh giá thành quả quan trọng, những hạn chế, yếu kém trong 5 năm thực hiện Nghị quyết đại hội XI (2011-2015); tổng kết 30 năm đổi mới (1986-2016) và nêu mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước 5 năm 2016-2021. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Đại hội XII rút ra *một số kinh nghiệm* sau:

- *Một là*, trước những khó khăn, thách thức trên con đường đổi mới, phải hết sức chú

trọng công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; phải phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- *Hai là*, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, bám sát thực tiễn của đất nước và thế giới; đồng thời nắm bắt, dự báo những diễn biến mới để kịp thời xác định, điều chỉnh một số chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp.

- *Ba là*, gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa-nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc phòng và an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

- *Bốn là*, kiên trì thực hiện các mục tiêu lâu dài, các nhiệm vụ cơ bản, đồng thời tập trung các nguồn lực thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ cấp bách, trước mắt, giải quyết dứt điểm những yếu kém, ách tắc, tạo đột phá để giữ vững và đẩy nhanh nhịp độ phát triển; phát huy mọi nguồn lực trong và ngoài nước đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

- *Năm là*, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, lấy lợi ích quốc gia-dân tộc làm mục tiêu cao nhất, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Đại hội, nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước 5 năm 2016- 2020, các nhiệm vụ chủ yếu trên các lĩnh vực: Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Xây dựng, phát triển văn hoá, con người. Quản lý phát triển xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Quản lý tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân. Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội XII nhấn mạnh trong nhiệm kỳ XII, cần đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát huy mọi nguồn lực và động lực để phát triển đất nước nhanh, bền vững; đặc biệt chú trọng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có kết quả sáu nhiệm vụ trọng tâm:

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng

chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Chú trọng xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức.

Xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả ba đột phá chiến lược (hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ), cơ cấu lại tổng thể và đồng bộ nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Chú trọng giải quyết tốt vấn đề cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu lại ngân sách nhà nước, xử lý nợ xấu và bảo đảm an toàn nợ công.

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Mở rộng và đưa vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại; tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện hiệu quả hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế.

Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, giải quyết tốt những vấn đề bức thiết; tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và giảm nghèo bền vững. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

### ***3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới***

Công cuộc đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để; là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đồng thời cũng còn nhiều vấn đề lớn, phức tạp, nhiều hạn chế, yếu kém cần phải tập trung giải quyết, khắc phục để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

### *Thành tựu của sự nghiệp đổi mới*

Kinh tế tăng trưởng khá, thực lực của nền kinh tế tăng lên; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; lạm phát được kiểm soát; tăng trưởng kinh tế được duy trì hợp lý và được đánh giá là thuộc nhóm nước có mức tăng trưởng khá cao trên thế giới. Đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Môi trường đầu tư được cải thiện, đa dạng hóa được nhiều nguồn vốn đầu tư cho phát triển. Thời kỳ 2001-2005 đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân năm là 7,5% và hai năm 2006-2010 tăng trưởng bình quân 5 năm đạt 7%/năm; trong 10 năm 2001-2010 tăng trưởng 7,26%/năm, đạt mục tiêu chiến lược đã đề ra; GDP 5 năm 2011-2015 bình quân 5,9%; năm 2018 đạt 6,7%. Việt Nam là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh so với các nước trong khu vực và thế giới, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình trên thế giới.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã từng bước hình thành và phát triển; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được quan tâm xây dựng và từng bước hoàn thiện. Tư tưởng, đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã từng bước được thể chế hoá thành pháp luật, cơ chế, chính sách. Các hình thức sở hữu, thành phần kinh tế và chế độ phân phối đã phát triển đa dạng, từng bước tuân thủ các quy luật của kinh tế thị trường và phù hợp với điều kiện của đất nước.

Cơ sở vật chất, kỹ thuật, kết cấu hạ tầng, đô thị được đầu tư xây dựng tăng lên đáng kể, nhất là đường bộ, sân bay, bến cảng, cầu. Xây dựng các ngành công nghiệp hiện đại, dầu khí, điện với các nhà máy thủy điện lớn Hòa Bình, Sơn La, Trị An, Tuyên Quang, Lai Châu và nhiều nhà máy nhiệt điện.

Văn hóa-xã hội có bước phát triển, bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi.

Việc giải quyết các vấn đề xã hội đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng: Các chính sách về lao động và việc làm của Nhà nước đã chuyển biến theo hướng ngày càng phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Giữ vững quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Phát triển và ngày càng hoàn thiện. Nhận thức ngày càng rõ hơn bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là một trong hai nhiệm vụ chiến lược, có mối quan hệ biện chứng, không thể tách rời; trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, phải đồng thời coi trọng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Đối ngoại đạt nhiều thành tựu mới. Nhận thức chung của Đảng ta về thời đại, về thế giới và khu vực ngày càng rõ và đầy đủ hơn.

Nhận thức về xây dựng và phát huy dân chủ, đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Nhà

nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có nhiều tiến bộ.

Đảng đã xác định rõ hơn, đầy đủ hơn bản chất của Đảng. Quy định rõ hơn vai trò, thẩm quyền và trách nhiệm của Đảng. Đã xác định ngày càng rõ hơn, đầy đủ hơn nền tảng tư tưởng của Đảng.

*Một số hạn chế:* Thực tiễn phát triển công cuộc đổi mới cũng bộc lộ những hạn chế cần phải khắc phục. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa làm rõ một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn có một số vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn để tiếp tục làm rõ.

Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động. Trong 10 năm gần đây, kinh tế vĩ mô thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, phục hồi chậm. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh quốc gia của nền kinh tế còn thấp. Phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường.

Nhiều vấn đề tiêu cực nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Trên một số mặt, một số lĩnh vực, một bộ phận nhân dân chưa được thụ hưởng đầy đủ, công bằng thành quả của công cuộc đổi mới. Năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ.

Việc tạo nền tảng để cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được mục tiêu đề ra.

*Những hạn chế, khuyết điểm trên đây có cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu.*

Về khách quan: Đổi mới là một sự nghiệp to lớn, toàn diện, lâu dài, rất khó khăn, phức tạp, chưa có tiền lệ trong lịch sử. Tình hình thế giới và khu vực có những mặt tác động không thuận lợi; sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị.

về chủ quan: Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn chưa được quan tâm đúng mức, đổi mới tư duy lý luận chưa kiên quyết, mạnh mẽ, có mặt còn lạc hậu, hạn chế so với chuyển biến nhanh của thực tiễn. Dự báo tình hình chậm và thiếu chính xác làm ảnh hưởng đến chất lượng các quyết sách, chủ trương, đường lối của Đảng. Nhận thức và giải quyết tám mối quan hệ lớn còn hạn chế. Đổi mới thiếu đồng bộ, lúng túng trên một số lĩnh vực.



Nhận thức, phương pháp và cách thức chỉ đạo tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước còn nhiều hạn chế. Quyền hạn và chế độ trách nhiệm, nhất là quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu không được quy định rõ ràng; thiếu cơ chế để kiểm soát quyền lực. Nhiều chủ trương, nghị quyết đúng không được tích cực triển khai thực hiện, kết quả đạt thấp. Một số chính sách không phù hợp với thực tiễn, chậm được sửa đổi, bổ sung.

Việc quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống chưa được coi trọng thường xuyên, đúng mức, hiệu quả thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa tạo được sự thông nhất cao về nhận thức tư tưởng, ý chí và hành động trong Đảng trước những diễn biến phức tạp của tình hình. Đánh giá, sử dụng, bố trí cán bộ còn nể nang, cục bộ; chưa quan tâm đến việc xây dựng cơ chế, chính sách để trọng dụng người có đức, có tài.

*Một số kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới*

*Một là, trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam.*

Đổi mới là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Quá trình đổi mới, bên cạnh những cơ hội, luôn xuất hiện những vấn đề mới, những khó khăn, thách thức mới, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân phải chủ động, không ngừng sáng tạo.

Đổi mới không phải là từ bỏ mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà là làm cho chủ nghĩa xã hội được nhận thức đúng đắn hơn và được xây dựng có hiệu quả hơn. Xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh ngày nay là một sự nghiệp vô cùng khó khăn, phức tạp và lâu dài, nhưng đó là con đường hợp quy luật để có một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Sự nghiệp cách mạng đó đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải kiên định, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đổi mới không phải là xa rời chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mà là nhận thức đúng, vận dụng và không ngừng phát triển sáng tạo học thuyết, tư tưởng đó, lấy đó làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

*Hai là, đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.*

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Đổi mới phải vì lợi

ích của nhân dân. Xa rời, đi ngược lợi ích của nhân dân, đổi mới sẽ thất bại.

Những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân nảy sinh từ thực tiễn là một nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Nhân dân là người làm nên những thành tựu của đổi mới. Đổi mới phải dựa vào nhân dân. Vì thế, đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực thuộc về nhân dân để nhân dân thật sự là chủ thể tiến hành đổi mới và thụ hưởng thành quả đổi mới. Đổi mới là sự nghiệp khó khăn, phức tạp cần phải phát huy quyền làm chủ, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

*Ba là, đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; phải tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra.*

Thực tiễn đã chỉ rõ, phải đổi mới toàn diện, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ nhận thức, tư tưởng đến hoạt động thực tiễn; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động trong từng bộ phận của hệ thống chính trị; từ hoạt động của cấp trung ương đến hoạt động của địa phương và cơ sở.

Trong quá trình đổi mới phải tổ chức thực hiện quyết liệt với bước đi, hình thức, cách làm phù hợp, hiệu quả; khắc phục tình trạng nóng vội, chủ quan, hấp tấp sẽ gây mất ổn định, thậm chí rối loạn, tạo cơ hội cho các thế lực thù địch chống phá công cuộc đổi mới; đồng thời phải chủ động, năng động, không ngừng sáng tạo, khắc phục tình trạng bảo thủ, trì trệ, bỏ lỡ cơ hội phát triển.

Phải tôn trọng quy luật khách quan. Coi sự phát triển của thực tiễn là yêu cầu và cơ sở để đổi mới tư duy lý luận, đường lối, chủ trương, cơ chế, chính sách. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều phải xuất phát từ thực tiễn. Phải bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để điều chỉnh, bổ sung, phát triển đường lối đổi mới.

Đề dân tin, dân ủng hộ, dân tích cực thực hiện đường lối đổi mới, đòi hỏi Đảng, Nhà nước phải giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra; kịp thời điều chỉnh, bổ sung các thể chế, thiết chế, cơ chế, chính sách không còn phù hợp, cản trở sự phát triển; thực hiện nói đi đôi với làm.

*Bốn là, phải đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát*

*huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

Luôn luôn coi lợi ích quốc gia-dân tộc là tối thượng. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững. Phát huy sức mạnh dân tộc là cơ sở để kết hợp sức mạnh thời đại, làm cho sức mạnh dân tộc mạnh hơn, dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

*Năm là, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân.*

Công cuộc đổi mới là sự nghiệp vĩ đại, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của công cuộc đổi mới. Tăng cường sự lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ then chốt. Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình.

Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng. Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định đến công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới.

Thường xuyên kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc tập hợp các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới.

Sức mạnh của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng được bắt nguồn và nhân lên từ sức mạnh của nhân dân. Củng cố, bồi dưỡng quan hệ mật thiết giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị, trước hết là mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, là vấn đề trọng đại, cấp thiết, có ý nghĩa sống còn đối với cách mạng Việt Nam.

Với thành công của công cuộc đổi mới, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi

lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng rõ hơn. Rõ hơn về mục tiêu mô hình chủ nghĩa xã hội; rõ hơn về những hình thức tổ chức kinh tế, xã hội, chặng đường, bước đi của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; rõ hơn về nội dung bỏ qua chủ nghĩa tư bản (bỏ qua việc thiết lập kiến trúc thượng tầng và quan hệ sản xuất của chủ nghĩa tư bản) nhưng có thể kế thừa những thành quả mà nhân loại đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, nhất là kinh nghiệm tổ chức, quản lý và sự phát triển của khoa học-công nghệ, đặc biệt cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đổi mới đã tạo thế và lực mới của đất nước. Khẳng định đó của Hội nghị Trung ương 4 khóa XII (10-2016) cho thấy cơ sở vững chắc để Việt Nam có thể phát triển nhanh, bền vững, xứng đáng với lịch sử anh hùng, vẻ vang của Đảng và dân tộc.

## CHƯƠNG 4: TỔNG KẾT

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay đã trải qua những thời kỳ, giai đoạn lịch sử quan trọng, ghi những dấu mốc lịch sử của Đảng, của cách mạng và dân tộc Việt Nam. Từ năm 1930 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc Việt Nam tiến hành sự nghiệp đấu tranh cách mạng lâu dài, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác để có được cơ đồ và vị thế như ngày nay. Thành tựu của cách mạng vô cùng phong phú, toàn diện và vẻ vang, phản ánh quy luật vận động, phát triển của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo.

### 4.1. NHỮNG THẮNG LỢI VĨ ĐẠI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

#### 4.1.1. Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã đánh đổ chế độ thuộc địa của thực dân Pháp và phát xít Nhật gần một thế kỷ, xóa bỏ chế độ phong kiến hàng ngàn năm, giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc, xây dựng nền cộng hòa dân chủ, chế độ dân chủ nhân dân đầu tiên ở Việt Nam, tạo tiền đề để phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Cách mạng Tháng Tám đã kết hợp đúng đắn đấu tranh giai cấp với đấu tranh dân tộc, thống nhất lợi ích của các giai cấp với lợi ích tối cao của dân tộc, kết hợp chặt chẽ mục tiêu giành độc lập cho dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân. Đây là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 đến phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945.

Cách mạng Tháng Tám thể hiện sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, của khát vọng độc lập, tự do và ý chí tự lực, tự cường, quyết đem sức ta mà tự giải phóng cho ta. Đó là thắng lợi của đường lối cứu nước và sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời của Đảng, lãnh tụ Hồ Chí Minh và vai trò to lớn của đội ngũ cán bộ, đảng viên, các tổ chức Đảng trong cả nước. Cách mạng Tháng Tám thành công là kết quả của quá trình Đảng chủ động nắm bắt thời cơ cách mạng, phát động và lãnh đạo cao trào cách mạng cứu nước, phát triển tổ chức Đảng, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc tạo ra thực lực cách mạng, phát triển sức mạnh trong nước để khi nhân tố bên ngoài thuận lợi xuất hiện, Nhật đầu hàng Đồng Minh, Đảng đã chớp thời cơ phát động Tổng khởi nghĩa.

Đánh giá ý nghĩa của Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *“Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên*

*trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”.*

#### **4.1.2. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc**

Hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) và đế quốc Mỹ xâm lược (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam đã đánh bại cả chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Thắng lợi của các cuộc kháng chiến trước hết là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự, độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo của Đảng. Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính, vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về chiến tranh cách mạng, giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, kế thừa truyền thống đánh giặc, giữ nước của dân tộc, Đảng đã phát triển phong phú các hình thức chiến tranh nhân dân, phát triển khoa học, nghệ thuật quân sự Việt Nam, kết hợp kháng chiến với kiến quốc đã đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi với chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử và ký kết Hiệp định Geneve.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng lãnh đạo đồng thời hai chiến lược cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Một đảng thống nhất lãnh đạo một nước tạm thời chia làm hai miền với hai chiến lược cách mạng khác nhau là đặc điểm nổi bật của cách mạng Việt Nam 1954 – 1975. Cùng với đường lối cách mạng, Đảng phát triển sáng tạo cả về phương pháp cách mạng.

Đường lối chính trị, quân sự và phương pháp cách mạng do Đảng đề ra và thể hiện phong phú trong chiến tranh cách mạng đã tạo nên sức mạnh tổng hợp cực kỳ to lớn để đánh thắng thế lực đế quốc giàu mạnh nhất lúc đó. Thực tiễn chiến tranh cách mạng ở Việt Nam chứng minh: *“một dân tộc nước không rộng, người không đông, song đoàn kết chặt chẽ và đấu tranh kiên quyết dưới sự lãnh đạo của một đảng Mác – Lênin có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lại được sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, các lực lượng cách mạng và nhân dân tiến bộ trên thế giới, thì hoàn toàn có thể đánh bại mọi thế lực đế quốc xâm lược”.*

#### **4.1.3. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

Đường lối đổi mới do Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986) đề ra là bước đổi mới quan trọng về tư duy lý luận, nhận thức rõ hơn những luận điểm của Mác, Lênin về những đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, hiểu rõ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đường lối đổi mới cũng là kết quả của quá trình tổng kết, tìm tòi, khảo nghiệm thực tiễn, từng bước khắc phục lối tư duy chủ quan, duy ý chí, giáo điều, nóng vội và thấy rõ sự cần thiết phải tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

Hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Nền kinh tế chuyển đổi từ mô hình kế hoạch hóa, quản lý hành chính, tập trung, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa, nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1996), ra khỏi tình trạng của nước nghèo, kém phát triển, trở thành nước có thu nhập trung bình (2008), phấn đấu sớm trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện cả về vật chất và văn hóa tinh thần. Chính trị, xã hội ổn định và hệ thống chính trị vững mạnh với vai trò của Đảng cầm quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Quan hệ đối ngoại rộng mở, tạo môi trường hòa bình, hợp tác, phát triển, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam (1-2016) tổng kết 30 năm đổi mới, khẳng định những thành tựu đó *“tạo tiền đề, nền tảng quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử”*. Đại hội cũng thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm, nhất là công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn nhân lực được huy động; đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế. Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1-1994) nêu ra vẫn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp, như tham nhũng, lãng phí, “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

## **4.2. NHỮNG BÀI HỌC LỚN VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG**

### **4.2.1. Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội**

Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ

quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, cũng là quy luật dựng nước gắn liền với giữ nước, là lý tưởng cao cả và hiện thực trong thời đại Hồ Chí Minh. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo của Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

#### **4.2.2. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân**

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Nhân dân là người làm nên lịch sử, là chủ thể của lịch sử. Đó là quan điểm cơ bản trong lý luận Mác - Lênin về chủ nghĩa duy vật lịch sử, về cách mạng xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh, cách mạng muốn thành công thì phải lấy dân chúng làm gốc; có dân thì có tất cả, nghĩa là phải dựa vào dân, tổ chức, vận động, tập hợp được nhân dân. Người mong muốn, khi cách mạng thành công thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam cho thấy, chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử từ Cách mạng Tháng Tám 1945, hai cuộc kháng chiến và công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ khi thành lập (1930), Đảng đã xác định luôn luôn gắn bó với nhân dân, từng trải đấu tranh mà trưởng thành. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Trong công cuộc đổi mới, cùng với bài học lấy dân làm gốc, Đảng chú trọng thực hiện phương châm dân: biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, phải phòng ngừa nguy cơ sai lầm về đường lối, nguy cơ xa rời quần chúng nhân dân và nguy cơ suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

#### **4.2.3. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế**

Đoàn kết là nguyên tắc của Đảng chân chính cách mạng. Lịch sử dân tộc Việt Nam cho thấy, đoàn kết là truyền thống quý báu, là cội nguồn sức mạnh trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Đại đoàn kết dân tộc là điểm căn bản và nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thành công. Người cũng là hiện thân của tinh thần đoàn kết quốc tế.

Nhờ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng lãnh đạo, toàn dân Việt Nam đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, làm nên những thắng lợi của cách mạng. Trong công cuộc đổi mới, Đảng nhấn mạnh chiến lược đại đoàn kết dân tộc, lấy mục tiêu chung của lợi ích quốc gia, dân tộc làm điểm tương đồng, tôn trọng lợi ích của các tầng



lớp, giai cấp không trái với lợi ích chung. Đảng chú trọng xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội để đoàn kết rộng rãi mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tạo sự đồng thuận xã hội.

#### **4.2.4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế**

Thấm nhuần sâu sắc và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ tầm quan trọng đặc biệt của nhân tố thời đại, nhân tố quốc tế đối với cách mạng Việt Nam. Trong mối quan hệ giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh sức mạnh dân tộc là nguồn lực nội sinh giữ vai trò quyết định, còn sức mạnh thời đại là nguồn lực bên ngoài, nó sẽ làm cho sức mạnh dân tộc được tăng lên và nó cũng chỉ phát huy tác dụng thông qua nhân tố bên trong, đó là sức mạnh dân tộc. Phải kết hợp chặt chẽ mục tiêu đấu tranh cho độc lập dân tộc mình với các mục tiêu của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã được Đảng Cộng sản Việt Nam quán triệt, vận dụng trong lãnh đạo cách mạng Việt Nam hơn 88 năm qua, góp phần tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam.

#### **4.2.5. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam**

Đảng Cộng sản Việt Nam là người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam là nhờ Đảng luôn có đường lối đúng đắn, sáng tạo, dựa trên cơ sở lý luận Mác - Lênin, phù hợp với yêu cầu của lịch sử, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của lịch sử Việt Nam, của toàn dân tộc Việt Nam, của sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong mỗi điều kiện, mỗi hoàn cảnh cụ thể.

Trong thời kỳ mới, trước yêu cầu mới của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực đang có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, đòi hỏi phải tiếp tục khẳng định vai trò và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam. Khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất có đủ khả năng tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Muốn vậy, phải chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; không ngừng nâng cao bản lĩnh, trí tuệ, phẩm chất chính

trị, đạo đức, lối sống, thực sự “là đạo đức, là văn minh” để Đảng có thể làm tròn sứ mệnh cao cả của mình trước dân tộc, trước nhân dân.